

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Biểu mẫu 18C
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Thủ Dầu Một
năm học 2019 -2020**

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

12.1. Chương trình cử nhân Địa lý học, khóa học 2019-2023

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Tư duy biện luận – sáng tạo	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về lĩnh vực tư duy biện luận và sáng tạo, đồng thời cũng rèn luyện cho người học những kỹ năng phân tích đánh giá các vấn đề trong học tập cũng như trong cuộc sống một cách sáng tạo và có hiệu quả.	2(2+0)	Học kì I	Tự luận
2.	Nhập môn nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học (khác với kiến thức nghiên cứu khoa học chuyên ngành); những vấn đề chung về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học cũng như biết cách xây dựng đề cương nghiên cứu, tiến hành	2(2+0)	Học kì I	Thời gian tham dự, Thái độ tham dự (10%) Chọn được tên một đề tài gắn với chuyên ngành (10%)

		<p> nghiên cứu, viết báo cáo kết quả nghiên cứu, công bố kết quả nghiên cứu.</p>			<p> Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm (10%) Viết tóm tắt quyển sách đã đọc (10%) Chọn một đề tài và viết một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh (50%)</p>
3.	<p> Cơ sở văn hóa Việt Nam</p>	<p> Nắm được những đặc trưng của văn hoá Việt Nam qua các bình diện: nhận thức, tổ chức và ứng xử; Tính giá trị trong các hiện tượng văn hoá ở Việt Nam</p>	2(2+0)	Học kì I	<p> Tự luận/ Trắc nghiệm</p>
4.	<p> Lịch sử văn minh thế giới</p>	<p> Học phần hướng đến việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có tính hệ thống về những thành tựu văn hóa, văn minh của nhân loại thông qua việc tìm hiểu các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới; từ đó giúp người học hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng và có thái độ trân trọng, giữ gìn, bảo tồn cái giá trị, thành tựu văn hóa, văn minh của nhân loại.</p>	2(2+0)	Học kì I	<p> 1. Đánh giá quá trình: + Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%) + Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân (40%) 2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)</p>
5.	<p> Triết học Mác – Lênin</p>	<p> - Phát biểu được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. - Vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn</p>	3(3+0)	Học kì II	<p> Trắc nghiệm, trả lời ngắn trên hệ thống trực tuyến</p>

		<p>học khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuân theo giá trị bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. 			
6.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. - Về kỹ năng: Hình thành cho sinh viên kỹ năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. - Về thái độ: Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. 	2(2+0)	Học kì II	34 câu trắc nghiệm và 16 câu trả lời ngắn
7.	Thực hành văn bản Tiếng Việt	Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về văn bản tiếng Việt để người học có thể soạn thảo các loại văn bản tiếng Việt thông dụng (văn bản khoa học, văn bản hành chính, văn bản báo chí, văn bản	2(0+2)	Học kì II	<ul style="list-style-type: none"> * Kiểm tra đánh giá thường xuyên (20%) - Nghiên cứu tài liệu - Tham gia tích cực vào các hoạt

		<p>nghệ thuật,...).</p> <p>Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách, kỹ năng soạn thảo văn bản trên máy tính.</p>			<p>động của lớp như phát biểu ý kiến, giải bài tập, làm việc nhóm, nêu câu hỏi, thuyết trình, v.v.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thái độ học tập nghiêm túc * Kiểm tra đánh giá giữa kì (30%) - Thực hành phân loại một số văn bản - Thực hành phân tích đoạn văn - Thực hành phân tích bố cục và lập luận trong toàn văn bản - Thực hành viết đoạn văn * Kiểm tra đánh giá cuối kì (50%) - Nhận diện lỗi trên một số văn bản cho sẵn - Thực hành tóm tắt văn bản - Thực hành tạo lập đề cương cho văn bản - Thực hành tạo lập văn bản theo các cấu trúc khác nhau, đảm bảo được tính liên kết và mạch lạc
8.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học. - Vận dụng những tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và 	2(2+0)	Học kì III	Kiểm tra trắc nghiệm, trả lời ngắn trên hệ thống trực tuyến

		<p>con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và các nước trên thế giới.</p> <p>- Có ý thức chính trị, tư tưởng đúng đắn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p>			
9.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	<p>- Sinh viên phát biểu được những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>- Phân tích được bản chất các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của đất nước và thế giới.</p> <p>- Có ý thức trách nhiệm phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống trên lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin.</p>	2(2+0)	Học kì III	Kiểm tra trắc nghiệm, trả lời ngắn trên hệ thống trực tuyến
10.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>- Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 – 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018).</p> <p>- Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng.</p>	2(2+0)	Học kì III	<p>Đánh giá thái độ học tập (35%)</p> <p>+ Chuyên cần trong học tập, tham gia các hoạt động học tập, phát biểu xây dựng bài (10%)</p> <p>+ Các bài tập cá nhân được giao trong các buổi học (10%)</p> <p>+ Làm bài tập thảo luận nhóm (15%)</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ (15%)</p> <p>Đánh giá kết thúc học phần: Trắc nghiệm trên máy. Toàn bộ nội dung chương trình môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ chương 1</p>

		- Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.			đến phần kết luận (50%).
11.	Nhập môn ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn	Nắm được các kiến thức khái quát về trường ĐH Thủ Dầu Một, ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn và Khoa KHXH&NV; Hiểu rõ được mối quan hệ liên thông giữa các ngành thuộc khối Khoa học Xã hội và Nhân văn; Vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu liên ngành khi phân tích, lí giải những hiện tượng văn hoá ấy; có ý thức trân trọng ngành học, ý chí ham học hỏi; khơi gợi hứng khởi trong việc khám phá những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.	2(2+0)	Học kì I	Tiểu luận
12.	Thực hành Nhập môn ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn	Áp dụng kiến thức đã được học trong nghiên cứu thực tế, sử dụng kiến thức liên ngành để lý giải vấn đề.	1(0+1)	Học kì I	Tiểu luận
13.	Lịch sử Việt Nam đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy cho đến nay bao gồm các thời kỳ: Thời kỳ nguyên thủy với hai giai đoạn phát triển là giai đoạn xã hội bầy người và giai đoạn xã hội thị tộc; Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc với	3(3+0)	Học kì I	- Đánh giá quá trình học (25%) bao gồm: tham dự lớp học, tham gia giải quyết các câu hỏi và bài tập trên lớp; chuẩn bị bài tập ở nhà theo yêu cầu;

		<p>công cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam nhằm bảo vệ và phát triển kinh tế, văn hóa dân tộc, khôi phục nền độc lập, tự chủ; Thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ trải qua ba giai đoạn hình thành, xác lập, phát triển và khủng hoảng của chế độ phong kiến; thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp (1858 – 1945), thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) và thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước từ năm 1975 đến nay.</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra giữa kỳ (25%) - Đánh giá cuối học phần (50%): Bài thi thi tự luận.
14.	Chính trị học đại cương	<p>Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, phạm trù và quy luật cơ bản của chính trị học. Các vấn đề liên quan đến đời sống chính trị Việt Nam và xu hướng cơ bản của đời sống chính trị quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay.</p>	2(2+0)	Học kì II	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá quá trình <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên học đủ buổi học theo quy định và tham gia các hoạt động trên lớp - 10% - Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, thuyết trình - 25% - Kiểm tra giữa kỳ- 15% Bài kiểm tra dưới hình thức tiểu luận theo nhóm - 50% 2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận -50%
15.	Mỹ học đại cương	<p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về khái niệm mỹ học; các mối quan hệ thẩm mỹ và các phạm trù thẩm mỹ cái đẹp, cái bi, cái hài, cái cao cả.</p> <p>Rèn luyện cho người học những nhận thức đúng</p>	2(2+0)	Học kì II	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá quá trình: <ul style="list-style-type: none"> + Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%)

		đẫn về vấn đề thẩm mỹ trong đời sống hiện nay.			+ Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân (40%) 2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)
16.	Tâm lý học đại cương	Nắm được những kiến thức cơ bản về khoa học tâm lí người. Nội dung chính của học phần bao gồm: Tâm lí học là một khoa học; hoạt động và giao tiếp; sự hình thành và phát triển tâm lí; ý thức; hoạt động nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách.	2(2+0)	Học kì II	Tự luận
17.	Nhập môn quan hệ quốc tế	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế, nhằm giúp sinh viên hiểu bản chất và cơ chế hòa hợp vận hành của quan hệ quốc tế, có khả năng vận dụng và phân tích các sự kiện quốc tế và đánh giá các diễn biến trong quan hệ quốc tế hiện đại.	2(2+0)	Học kì II	1. Đánh giá quá trình: + Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%); + Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân; tham gia giải quyết các câu hỏi và bài tập trên lớp; chuẩn bị bài tập ở nhà theo yêu cầu... (25%); + Làm bài kiểm tra giữa kỳ (15%) 2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)
18.	Chính sách đối ngoại Việt Nam	Trang bị cho người học kỹ năng phân tích những cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách đối ngoại và chính sách đối ngoại của Việt Nam; Phản ánh quá trình hình thành và phát triển chính sách đối	2(2+0)	Học kì II	Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp - 20% Thảo luận nhóm, bài tập nhóm,

		ngoại của Việt Nam; Đúc kết những đặc điểm, mô hình chính sách đối ngoại của Việt Nam; Đánh giá quá trình phát triển chính sách nhằm làm sáng tỏ sự điều chỉnh, phát triển trong tư duy đối ngoại của Việt Nam; Dự báo khả năng điều chỉnh và khuyến nghị chính sách đối ngoại của Việt Nam. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống kiến thức về chính sách đối ngoại và chính sách đối ngoại của Việt Nam. Nâng cao nhận thức của sinh viên về đặc điểm, mô hình chính sách đối ngoại của Việt Nam trong tương quan chính sách đối ngoại của thế giới.			Thuyết trình - 30% Bài kiểm tra dưới hình thức tiểu luận theo nhóm - 50%
19.	Địa lý nhân văn	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương Địa lý nhân văn (Một số vấn đề về dân cư; Địa lý kinh tế; Phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế).	3(3+0)	Học kì II	1. Đánh giá quá trình: + Sinh viên tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%); + Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân; (15%); + Làm bài kiểm tra giữa kỳ (25%) 2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)
20.	Tôn giáo học	Nắm được các tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam, vai trò của chúng trong đời sống tâm linh người Việt cùng phương pháp luận xem xét tín ngưỡng – tôn giáo từ góc độ văn hóa và trong quan hệ với vấn đề dân tộc; vận dụng những tri thức lý	2(2+0)	Học kì II	Tự luận/ Thực hành điền dã

		<p>luận chung để kiến giải về các hiện tượng nảy sinh trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo và giải thích được cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta; đánh giá được những giá trị và hạn chế của tôn giáo, tín ngưỡng đối với văn hóa, đạo đức xã hội ở Việt Nam; nhận dạng được các chính giáo, tà giáo; tin tưởng và góp phần tuyên truyền, bảo vệ những quan điểm đúng đắn về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, cảnh giác trước âm mưu lợi dụng tự do tín ngưỡng tôn giáo để chống phá khối đại đoàn kết dân tộc.</p>			
21.	Kinh tế học đại cương	<p>Môn học cung cấp cho người học kiến thức về sự vận hành của nền kinh tế và cách thức ứng xử của từng thành viên trong nền kinh tế trên cả góc độ vi mô lẫn vĩ mô; cung cấp các kiến thức cơ bản về: lý thuyết cầu, cung và cơ chế hình thành giá cả trên thị trường; lý thuyết hành vi người tiêu dùng và người sản xuất; phương pháp hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng; tổng cầu và sản lượng cân bằng; thất nghiệp và lạm phát; các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Qua đó, người học sẽ nắm bắt được các nguyên lý kinh tế cơ bản; phương pháp hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng; các biến số kinh tế vĩ mô then chốt và phân tích được các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ một nước.</p>	3(3+0)	Học kì II	Tự luận

22.	Lịch sử thế giới	<p>Học phần trang bị cho sinh viên các chuyên ngành kiến thức đại cương về lịch sử thế giới: hiểu được quá trình phát triển của LSTG từ thời kỳ nguyên thủy cho đến nay. Những nội dung mà sinh viên cần hiểu và nắm vững bao gồm: Phân kỳ các thời kỳ lịch sử theo quan điểm của sử học Marxism.; Nội dung cơ bản của từng thời kỳ lịch sử cổ, trung, cận, hiện đại; hiểu và so sánh được quá trình ra đời và phát triển của các nhà nước phương Đông, phương Tây trong thời kỳ cổ - trung đại; những đặc điểm về xã hội của phương Đông và phương Tây; những thành tựu văn hóa tiêu biểu của thế giới thời cổ - trung đại; Giúp sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản của LSTG thời kỳ cận đại: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản; mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc dẫn đến quá trình đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc thời cận đại; Giúp sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản của LSTG hiện đại: sự ra đời và phát triển của CNXH và CNXH hiện thực; sự phát triển của CNTB hiện đại, phong trào đấu tranh GPDT của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh và con đường phát triển của những nước này; Giúp sinh viên hiểu được quá trình thay đổi của cục diện thế giới sau chiến tranh lạnh, sự phát triển của thế giới sau thời kỳ chiến tranh lạnh tới nay.</p>	2(2+0)	Học kì II	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình học (25%) bao gồm: tham dự lớp học, tham gia giải quyết các câu hỏi và bài tập trên lớp; chuẩn bị bài tập ở nhà theo yêu cầu; - Làm bài kiểm tra giữa kỳ (25%) - Đánh giá cuối học phần (50%): Bài thi thi tự luận.
23.	Pháp luật đại cương	<p>Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật và vận dụng vào thực</p>	2(2+0)	Học kì III	Tự luận

		tiền.			
24.	Dân tộc học	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của ngành Dân tộc học; lịch sử phát triển và các vấn đề liên quan đến tộc người; khái niệm về chủng tộc; phân loại tộc người theo ngôn ngữ; các loại hình kinh tế và văn hóa tộc người; các thiết chế xã hội; các loại hình tín ngưỡng tôn giáo tộc người; các tộc người ở Việt Nam và cộng đồng dân tộc Việt Nam.	2(2+0)	Học kì III	Tự luận
25.	Xã hội học	Môn học giúp người học nắm những khái niệm, kiến thức cơ bản về xã hội học; Nội dung, tư duy logic các vấn đề xã hội. Tiếp cận phương pháp nghiên cứu xã hội học. Ứng dụng từ lý thuyết liên hệ với thực tiễn xã hội. Xây dựng thái độ cẩn trọng, sáng tạo, tích cực học tập nghiên cứu; Có tinh thần làm việc nhóm, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.	2(2+0)	Học kì III	Đánh giá quá trình: Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp - 20% Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình - 30% Đánh giá cuối kỳ: Bài kiểm tra dưới hình thức tự luận (SDTL) - 50%
26.	Toàn cầu hóa	Sau khi hoàn tất khóa học, sinh viên sẽ có khả năng: 1/ Hiểu các khía cạnh khác nhau trong cuộc tranh luận về “Toàn cầu hóa” hiện nay 2/ Xem xét các đánh giá về tác động của “Toàn cầu hóa” đối với các quốc gia ở các trình độ phát triển khác nhau dưới góc nhìn của các học giả, các nhà hoạch định chính sách và các nguồn khác.	2(2+0)	Học kì III	1. Đánh giá quá trình: + Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%); + Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân; tham gia giải quyết các câu hỏi và bài tập trên lớp; chuẩn bị bài tập ở nhà

		<p>Nội dung trọng tâm của môn học sẽ xoay quanh mối liên hệ của các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, cũng như tìm lời giải đáp cho những vấn đề phát sinh trong quá trình toàn cầu hóa</p> <p>3/ Sinh viên đánh giá được các tác động của Toàn cầu hóa đến trật tự thế giới và các yếu tố cấu thành của trật tự này: nhà nước, xã hội, các tổ chức quốc tế và các nhân tố kinh tế.</p>			<p>theo yêu cầu... (25%);</p> <p>+ Làm bài kiểm tra giữa kỳ (15%)</p> <p>2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)</p>
27.	Hệ thống chính trị Việt Nam	<p>- Môn học cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan và kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị; những khái niệm cơ bản; Tập trung tìm hiểu, phân tích những nguyên lý hình thành, vận hành, phát triển của hệ thống chính trị; Vận dụng kiến thức được nghiên cứu để khám phá, liên hệ cơ bản mang tính qui luật chi phối đời sống chính trị - xã hội.</p> <p>- Tăng cường khả năng đánh giá của sinh viên về các mặt tích cực, hạn chế của hệ thống chính trị các quốc gia trên thế giới; Nhận thức được vai trò của hệ thống chính trị trong xây dựng chế độ chính trị của các quốc gia trên thế giới; Yêu cầu cần thiết việc nhấn mạnh vai trò của hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.</p> <p>- Tăng cường kỹ năng sắp xếp và tổng hợp các tài liệu nghiên cứu; Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, cũng như kỹ năng thuyết trình các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên</p>	2(2+0)	Học kì III	<p>Thái độ học tập, tham dự lớp: Xuyên suốt quá trình (10%)</p> <p>Làm bài tập thảo luận nhóm và bài tập trên hệ thống e-learning (15%).</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: Cho 2 câu hỏi mang tính chất gợi mở liên quan đến lý luận chung về hệ thống chính trị và quá trình đổi mới xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay (25%)</p> <p>Đánh giá kết thúc học phần: Làm bài tự luận không sử dụng tài liệu (50%)</p>

28.	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trang bị cho sinh viên những khái niệm và nguyên lý cơ bản của sự phát triển nông nghiệp và nông thôn, đồng thời vận dụng những nguyên lý này trong việc phân tích và giải quyết những vấn đề nông nghiệp và phát triển nông thôn một cách khoa học dưới góc độ của một nhà kinh tế học. Song song đó, môn học cũng đề cập đến những vấn đề chủ yếu mà các vùng nông thôn ở Việt Nam đang đối mặt để thảo luận nhằm giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích, lý luận và ứng dụng kiến thức cơ bản của môn học vào tình hình thực tiễn.	3(3+0)	Học kì III	<p>1. Đánh giá quá trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sinh viên tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%); + Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân; (15%); + Làm bài kiểm tra giữa kỳ (25%) <p>2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)</p>
29.	Văn học và các loại hình nghệ thuật	<p>Nắm vững những vấn đề chung về nghệ thuật, khái niệm nghệ thuật và nguồn gốc của nghệ thuật cùng bản chất xã hội – thẩm mỹ của nghệ thuật; mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật khác như văn học và nghệ thuật tạo hình, văn học và âm nhạc. Đồng thời tiếp thu được những kiến thức cụ thể về những đặc trưng thẩm mỹ Việt Nam .</p>	2(2+0)	Học kì III	Tự luận
30.	Hành vi con người và môi trường xã hội	<p>Nội dung của môn học giúp sinh viên hiểu về hành vi của cá nhân trong mối tương tác liên cá nhân, với gia đình, nhóm, tổ chức, cộng đồng và các hệ thống lớn hơn.</p> <p>Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về sự phát triển sinh học, tâm lý, xã hội của con người từ giai đoạn ấu thơ đến giai đoạn tuổi già và hiểu về tác động của những sự phát triển này đối với hành vi</p>	3(3+0)	Học kì III	<p>1.Đánh giá quá trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 20% - Bài tập nhóm: 20% <p>2. Đánh giá cuối kỳ:</p>

		con người. Từ đó, sinh viên có được sự nhạy cảm văn hóa cần thiết để có thể thích nghi với môi trường xã hội xung quanh mình			Thi tự luận: 50%
31.	Các vấn đề xã hội đương đại	<p>Môn học “Các vấn đề xã hội đương đại” giúp sinh viên phân tích, tìm giải pháp cho các vấn đề xã hội hiện nay, phân tích những mặt mạnh và hạn chế của các thiết chế xã hội Việt nam để giải quyết những vấn đề này.</p> <p>Đây cũng là môn học mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở để người dạy và người học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để hoàn thiện hơn về nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp CTXH. Nội dung môn học luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trách nhiệm của con người với con người, với dân tộc, tham gia vào sự nghiệp chống áp bức, giảm đói nghèo vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.</p>	2(2+0)	Học kì III	<p>1.Đánh giá quá trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 20% - Bài tập nhóm: 20% <p>2. Đánh giá cuối kỳ:</p> <p>Thi tự luận: 50%</p>
32.	Công tác xã hội	Học phần “Công tác xã hội” là môn học khởi đầu giúp cho người học có một cái nhìn tổng quát, mới mẻ về công tác xã hội như một ngành nghề chuyên môn, khác với những suy nghĩ thông thường trước đây. Thông qua đó, môn học sẽ giới thiệu lịch sử của ngành, các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, lý thuyết, phương pháp, kỹ năng và các dịch vụ của ngành công tác xã hội để người	2(2+0)	Học kì III	<p>1.Đánh giá quá trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp: 10% - Bài tập cá nhân: 20% - Bài tập nhóm: 20% <p>2. Đánh giá cuối kỳ:</p>

		học có được cái nhìn khái quát trước khi nghiên cứu vào từng chuyên ngành cụ thể khác.			Thi tự luận: 50%
33.	Chính sách xã hội	<p>Thông qua học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lĩnh vực chính sách xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Những vấn đề được đề cập đến trong học phần này là các vấn đề lý luận chung về CSXH và thực tiễn CSXH tại Việt Nam. Góp phần giúp người học nhìn nhận vai trò của CSXH trong giải quyết các vấn đề xã hội.</p> <p>Rèn luyện cho người học tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp. Hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, sử dụng các phương tiện kỹ thuật số phục vụ cho việc học tập.</p> <p>Thúc đẩy hình thành ở người học nhận thức đúng đắn về công bằng xã hội, hòa nhập xã hội và các quyền cơ bản của con người, quyền công dân trong đảm bảo phúc lợi xã hội.</p>	3(3+0)	Học kì III	<p>Đánh giá quá trình:</p> <p>Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp - 20%</p> <p>Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình - 30%</p> <p>Đánh giá cuối kỳ:</p> <p>Bài kiểm tra dưới hình thức tự luận (SDTL) - 50%</p>
34.	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	<p>Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam là môn khoa học pháp lí cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản về sự hình thành, phát triển bộ máy tổ chức hoạt động của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam từ ngày từ khi có nhà nước đến nay.</p> <p>- Học phần này giúp sinh viên nắm được những nguyên nhân xuất hiện nhà nước và pháp luật trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng. Qua đó có sinh viên có cái nhìn tổng quát, khách quan quá trình vận động và phát triển của nhà nước và pháp</p>	2(2+0)	Học kì IV	<p>1. Đánh giá quá trình:</p> <p>+ Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%)</p> <p>+ Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân (40%)</p> <p>2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)</p>

		luật. Đồng thời nhận thức được vai trò của nhà nước và pháp luật trong đời sống xã hội			
35.	Lịch sử nhà nước và pháp luật Thế giới	Thông qua việc chọn và nghiên cứu một số nhà nước, hệ thống pháp luật tiêu biểu trên thế giới qua các giai đoạn lịch sử nhất định, học phần hướng đến việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có tính hệ thống về nguyên nhân và quá trình ra đời của nhà nước và pháp luật, từ đó giúp sinh viên có cái nhìn khách quan trong việc đánh giá đặc điểm, bản chất cũng như cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước của các nhà nước và hệ thống pháp luật trên thế giới.	2(2+0)	Học kì IV	1. Đánh giá quá trình: + Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%) + Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình (20%) + Bài tập cá nhân (10%) 2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)
36.	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	Môn học bao gồm các vấn đề: Phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng Việt Nam. Phân kỳ lịch sử tư tưởng Việt Nam. Các khuynh hướng tư tưởng chính trị - xã hội Việt Nam ở các thế kỷ X, XI, XII, XIII, XIV, XV... XX: Tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, Lão Trang; khuynh hướng dung hợp của các hệ tư tưởng và tôn giáo trên cơ sở của Nho giáo; tư tưởng chính trị của các nhân vật lịch sử tiêu biểu ở các thời kỳ: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm, v.v... Vai trò của giai cấp vô sản và Đảng tiên phong của nó. Tư tưởng Hồ Chí Minh.	2(2+0)	Học kì IV	1. Đánh giá quá trình: + Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%) + Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân (40%) 2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)
37.	Lịch sử quan	Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chủ yếu về quá trình vận động và	2(2+0)	Học kì IV	1. Đánh giá quá trình:

	hệ quốc tế	<p>phát triển của quan hệ quốc tế qua các giai đoạn (từ cổ đại đến nay). Đồng thời giúp sinh viên bước đầu có nhận thức về các cường quốc chi phối chính quan hệ quốc tế từng thời kỳ cũng như tìm hiểu nguồn gốc hình thành và phát triển của các học thuyết cơ bản trong quan hệ quốc tế.</p> <p>Môn học cũng giúp sinh viên bước đầu có nhận thức hệ thống về xung đột, chiến tranh và khả năng hợp tác trong lịch sử loài người. Từ đó, giúp sinh viên có nhận thức toàn diện về một thế giới luôn biến động và khả năng ứng phó nhằm bảo vệ được lợi ích quốc gia trong mọi hoàn cảnh, thông qua những bài học rút ra từ lịch sử quan hệ quốc tế.</p>			<p>+ Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%);</p> <p>+ Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân; tham gia giải quyết các câu hỏi và bài tập trên lớp; chuẩn bị bài tập ở nhà theo yêu cầu... (25%);</p> <p>+ Làm bài kiểm tra giữa kỳ (15%)</p> <p>2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tiểu luận (50%)</p>
38.	Những vấn đề kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	<p>Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng là trung tâm thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất Việt Nam với hơn 15 nghìn dự án FDI còn hiệu lực, có 140 khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động. Chuyên đề cung cấp cho người học những thông tin cơ bản về quá trình phát triển, vai trò dẫn dắt, kết nối của các tỉnh nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía nam. Và sự tác động của quá trình phát triển kinh tế đối với đời sống văn hoá, tinh thần, xã hội của người dân.</p> <p>- Giúp người học xác định được các tỉnh thuộc khu vực kinh tế trọng điểm phía nam.</p> <p>- Người học nắm được những kiến thức cơ bản về vùng kinh tế trọng điểm phía nam.</p>	2(2+0)	Học kì VI	<p>1. Đánh giá quá trình:</p> <p>+ Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%)</p> <p>+ Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân (40%)</p> <p>2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)</p>

		- Người học xác định được vai trò của khu vực kinh tế trọng điểm phía nam với sự phát triển chung của khu vực nam bộ nói riêng và cả nước nói chung.			
39.	Những vấn đề chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam	Tiến trình tuyên xác, khai thác và quản lý chủ quyền biển đảo của Việt Nam, nhận thức các căn cứ lịch sử và khoa học để bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ quốc gia.	2(2+0)	Học kì VI	Kết hợp đánh giá quá trình với định kỳ, chú trọng ý tưởng và kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn: chuyên cần (10%), bài tập (15%), kiểm tra giữa kỳ (25%), kiểm tra cuối kỳ (50%).
40.	Biển Đông – Xung đột và hợp tác	- Là một vùng biển đóng vai trò quan trọng trong hệ thống giao thương tại châu Á – Thái Bình Dương, Biển Đông đang ngày càng thu hút sự chú ý của các quốc gia trên thế giới bởi các nguồn lực phong phú và tiềm năng phát triển. Biển Đông đã trở thành nơi hội tụ về lợi ích chiến lược của nhiều quốc gia trên thế giới, do đó mà vùng biển này đang ngày càng trở thành nơi cạnh tranh về ảnh hưởng của các quốc gia, đặc biệt là các cường quốc. Nhiều quốc gia trong khu vực đã đưa ra các yêu sách chủ quyền đối với các vùng biển đảo tại Biển Đông; mối quan hệ chông chéo về chủ quyền đã khiến an ninh khu vực ngày càng trở thành trọng tâm trong chính sách của các quốc gia khu vực. Do đó, nghiên cứu về vấn đề Biển Đông là một nội dung hết sức cần thiết và quan trọng. - Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản, khái quát về vấn đề chủ quyền, xung đột cũng như các	2(2+0)	Học kì VI	Đánh giá quá trình học (50%) bao gồm: - Tham dự lớp học đầy đủ và tham gia hoạt động trên lớp (20%) - Bài thực hành giảng dạy theo nhóm và đánh giá bài của các nhóm khác: 30%. Đánh giá kết thúc học phần: Bài thi tiểu luận: 50%

		sáng kiến và hoạt động thực tiễn nhằm góp phần thúc đẩy hợp tác, an ninh tại Biển Đông			
41.	Phương pháp dạy học hòa hợp tích cực	Học phần giúp sinh viên hiểu một số phương pháp dạy học hòa hợp tích cực đang được phổ biến hiện nay tại trường đại học Thủ Dầu Một và vận dụng trong việc giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông.	2(0+2)	Học kì VI	<p>Đánh giá quá trình học (50%) bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự lớp học đầy đủ và tham gia hoạt động trên lớp (20%) - Bài thực hành giảng dạy theo nhóm và đánh giá bài của các nhóm khác: 30%. <p>Đánh giá kết thúc học phần: Bài thi tự luận: 50%</p>
42.	Độc lập dân tộc – vấn đề cốt lõi trong lịch sử dựng nước và giữ nước	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về lịch sử Việt Nam dưới góc nhìn của khoa học lịch sử hiện đại, tiếp cận xu hướng khoa học quốc tế.</p> <p>Giúp sinh viên tiếp cận và có hướng khai thác những vấn đề cơ bản, cập nhật về quan điểm nhìn nhận, đánh giá các vấn đề, các nhân vật, sự kiện lịch sử theo hướng khách quan, phản ánh đúng nhất bản chất của lịch sử.</p> <p>+ Giúp sinh viên hiểu và trình bày được những nội dung cơ bản, cập nhật về một số vấn đề của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay; tránh sử dụng và phổ biến các quan điểm nhìn nhận, đánh giá phiến diện, chưa khách quan của các nhà sử học tiền bối về các vấn đề có liên quan đến lịch sử dân tộc.</p>	2(2+0)	Học kì V	<p>Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp - 20%</p> <p>Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình - 30%</p> <p>Bài kiểm tra dưới hình thức tiểu luận theo nhóm - 50%</p>

		+ Định hướng cho sinh viên về quan điểm tiếp cận, nghiên cứu, đánh giá các vấn đề lịch sử theo quan điểm khách quan, khoa học, tiệm cận với chuẩn mực nghiên cứu khoa học lịch sử của tế giới.			
43.	Cách tiếp cận xuyên ngành trong khoa học xã hội – nhân văn	Hệ thống thao tác và kỹ năng về cách tiếp cận xuyên ngành; vận dụng tổng quan vào lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2(2+0)	Học kì V	Kết hợp đánh giá quá trình với định kỳ, chú trọng ý tưởng và kỹ năng vận dụng lý thuyết để định hướng chủ đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHXH-NV: chuyên cần (10%), bài tập (15%), kiểm tra giữa kỳ (25%), tổng quan một đề cương gồm nghiên cứu cụ thể (50%).
44.	Nghệ thuật quân sự Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có hệ thống về nghệ thuật quân sự Việt Nam bao gồm những khái niệm có liên quan, biểu hiện của nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và những đặc điểm nổi bật của nghệ thuật quân sự Việt Nam.	2(2+0)	Học kì V	Đánh giá quá trình: 50% bao gồm: - Tham dự lớp đầy đủ (5%) - Hoàn thành bài báo cáo theo nhóm (20%) - Làm bài kiểm tra giữa kỳ (25%) Đánh giá cuối học phần: 50%: Bài tiểu luận
45.	Nghệ thuật đối ngoại của Việt Nam	Sinh biết được những đặc điểm cơ bản của truyền thống ngoại giao Việt Nam trong lịch sử. Sinh viên nhận diện và khắc họa được đặc điểm	2(2+0)	Học kì VII	Đánh giá quá trình 50%: Đánh giá thái độ học tập 25%: Sinh viên tham gia đầy đủ các

	trong lịch sử	<p>nghệ thuật đối ngoại của Việt Nam trong từng thời kỳ lịch sử dân tộc. Yên tố nội tại, các yếu tố ngoại biên chi phối và những quyết sách ngoại giao của nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ.</p> <p>Bồi dưỡng cho sinh viên tinh thần yêu nước, lòng từ hào dân tộc trên cơ sở đó có những hành động cụ thể để tiếp nối truyền thống của nghệ thuật đối ngoại Việt Nam. Có ý thức trách nhiệm đối với truyền thống của lịch sử dân tộc.</p>			<p>buổi học. Có thái độ học tập tích cực, chủ động (10%); Sinh viên làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên theo kế hoạch đã giao và phổ biến trước(15%).</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ 25%:</p> <p>Đánh giá kết thúc học phần 50%:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đáp: Sinh viên bắt thăm câu hỏi trình bày hiểu biết, nhận thức của mình về vấn đề đã được giảng viên thiết kế trước trong ngân hàng câu hỏi. Giảng viên hỏi thêm, chất vấn sinh viên để làm rõ vấn đề. Qua đó đánh giá nhận thức và năng lực của sinh viên. - Tự luận: Sinh viên thi theo ngân hàng đề. - Bài tập lớn: Sinh viên và giảng viên lựa chọn cách thức thực hiện.
46.	Quá trình đổi mới ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về những vấn đề lý luận và thực tiễn quá trình Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay dưới góc độ của khoa học lịch sử. - Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, 	2(2+0)	Học kì VII	Sinh viên làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên theo kế hoạch đã giao và phổ biến trước.

		<p>kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan điểm sai trái về công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.</p> <p>- Thông qua các sự kiện lịch sử và bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước.</p>			
47.	Thực hành Cách tiếp cận xuyên ngành trong khoa học xã hội – nhân văn	Thực hiện một số đề cương nghiên cứu chi tiết về chuyên ngành sử học bằng cách tiếp cận xuyên ngành.	2(0+2)	Học kì V	Báo cáo
48.	Sưu tầm, nghiên cứu biên soạn chuyên đề lịch sử địa phương, ngành	<p>Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, thực hành biên soạn các chuyên đề về địa chí, lịch sử địa phương,... Sinh viên biết lựa chọn những nội dung phù hợp để triển khai, biết phân tích, chọn lựa phương pháp tiếp cận vấn đề, tiếp cận địa phương, tiếp cận sử liệu, tư liệu, nhân chứng,...</p> <p>- Sinh viên có khả năng tự triển khai được một</p>	3(0+3)	Học kì VII	<p>Đánh giá chuyên cần (10%)</p> <p>Thực hành, thảo luận nhóm trên lớp (25%)</p> <p>Hoàn thành bài thực hành kiểm tra cá nhân (15%)</p> <p>Tiểu luận (50%)</p>

		<p>chuyên đề địa chí</p> <p>- Rèn luyện cho người học các kỹ năng như: sưu tầm, biên soạn chuyên đề và xử lý các tình huống có liên quan trong quá trình biên soạn.</p>			
49.	Đoàn kết dân tộc trong LSVN	<p>Truyền thống/tư tưởng đoàn kết dân tộc trong tiến trình lịch sử Việt Nam; nhận thức/bài học về tư tưởng đoàn kết của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu.</p>	2(2+0)	Học kì V	<p>Kết hợp đánh giá thường xuyên với định kỳ, chú trọng ý tưởng và kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn: chuyên cần (10%), bài tập (15%), kiểm tra giữa kỳ (25%), tiểu luận kết kỳ (50%).</p>
50.	Kinh tế tri thức với vấn đề CNH, HĐH tại Việt Nam	<p>- Cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về những vấn đề lý luận và thực tiễn xuất hiện của nền kinh tế tri thức trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa tại Việt Nam.</p> <p>- Xem vấn đề xuất hiện của nền kinh tế tri thức như cơ hội để đổi mới cách nghĩ cách làm, nâng cao năng lực nội sinh, bắt kịp tri thức của thời đại.</p> <p>- Trang bị phương pháp tư duy khoa học về nền kinh tế, về xây dựng, sử dụng tri thức, thông tin, về kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức kinh tế tri thức vào CNH, HĐH.</p> <p>- Thông qua tìm hiểu khái niệm, bản chất và xu hướng phát triển của kinh tế tri thức, tìm hiểu thực trạng, cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra đối</p>	2(2+0)	Học kì VII	<p>Đánh giá chuyên cần (10%)</p> <p>Thực hành, thảo luận nhóm trên lớp (25%)</p> <p>Hoàn thành bài thực hành kiểm tra cá nhân (15%)</p> <p>Tiểu luận (50%)</p>

		với Việt Nam trước xu thế phát triển của kinh tế tri thức, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam.			
51.	Chiến lược của các nước lớn đối với châu Á – Thái Bình Dương	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển trong tư duy và thực tiễn triển khai các chiến lược của các nước lớn tại châu Á – Thái Bình Dương. Học phần hướng đến việc hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về những vấn đề cơ bản xoay quanh chiến lược của các cường quốc tiêu biểu tại châu Á – Thái Bình Dương như nội dung chủ yếu của chiến lược, thực tiễn triển khai, tác động của các chiến lược đối với an ninh khu vực... Đây vừa là môn học có tính chất liên ngành cao, đặc biệt là mối liên hệ chặt chẽ với lịch sử thế giới và quan hệ quốc tế. Do đó, sinh viên cần am hiểu và vận dụng tốt các kiến thức và phương pháp khoa học lịch sử cũng như các cách tiếp cận quan hệ quốc tế trong quá trình học tập và nghiên cứu.	2(2+0)	Học kì VII	<p>1. Đánh giá quá trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp (10%); + Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình/ bài tập cá nhân; tham gia giải quyết các câu hỏi và bài tập trên lớp; chuẩn bị bài tập ở nhà theo yêu cầu... (25%); + Làm bài kiểm tra giữa kỳ (15%) <p>2. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận (50%)</p>
52.	Phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương. Hình thành ý tưởng và thiết kế được đề cương nghiên cứu lịch sử địa phương.	2(2+0)	Học kì IV	<p>Đánh giá chuyên cần (10%)</p> <p>Thực hành, thảo luận nhóm trên lớp (25%)</p> <p>Hoàn thành bài thực hành kiểm tra cá nhân (15%)</p>

		Rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung nhiều vào phần thực hành như: thực hành biên soạn, thực hành soạn giảng, xây dựng hồ sơ tư liệu dạy học phần lịch sử địa phương.			Tiểu luận (50%)
53.	Sử liệu học	<p>Môn học trình bày hệ thống các nguồn sử liệu cho nghiên cứu khoa học lịch sử. Phương pháp sưu tầm, phê phán và sử dụng nguồn sử liệu vào nghiên cứu từng vấn đề cụ thể.</p> <p>Môn học cũng trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận nhận thức nguồn sử liệu. Trên cơ sở trang bị cho người học hệ thống kỹ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu cụ thể trong nghiên cứu.</p> <p>Sinh viên biết phân loại các nguồn sử liệu, trên cơ sở đó có thái độ đúng mực trong việc đánh giá các nguồn sử liệu trong nghiên cứu và học tập.</p>	2(2+0)	Học kì IV	<p>Đánh giá quá trình 50%:</p> <p>Đánh giá thái độ học tập 25%: Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học. Có thái độ học tập tích cực, chủ động (10%); Sinh viên làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên theo kế hoạch đã giao và phổ biến trước(15%).</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ 25%:</p> <p>Đánh giá kết thúc học phần 50%:</p> <ul style="list-style-type: none"> - - Vấn đáp: Sinh viên bắt thăm câu hỏi trình bày hiểu biết, nhận thức của mình về vấn đề đã được giảng viên thiết kế trước trong ngân hàng câu hỏi. Giảng viên hỏi thêm, chất vấn sinh viên để làm rõ vấn đề. Qua đó đánh giá nhận thức và năng lực của sinh viên. - - Tự luận: Sinh viên thi theo ngân hàng đề. - Bài tập lớn: Sinh viên và giảng

					viên lựa chọn cách thức thực hiện.
54.	Phương pháp vận động và giải quyết vấn đề xã hội	<p>Cung cấp cho sinh viên nắm bắt những vấn đề phổ biến trong xã hội. Hướng dẫn cho sinh viên một số kỹ năng căn bản để phục vụ cho hoạt động học tập ở bậc đại học; xin việc làm; kỹ năng giao tiếp; thuyết trình; diễn thuyết.</p> <p>Giúp sinh viên có phương pháp quan sát, tiếp nhận, xử lý và giải quyết vấn đề.</p>	2(2+0)	Học kì IV	<p>Sinh viên đi học đầy đủ và tham gia vào các hoạt động trên lớp - 20%</p> <p>Thảo luận nhóm, bài tập nhóm, Thuyết trình - 30%</p> <p>Bài kiểm tra dưới hình thức tiểu luận theo nhóm - 50%</p>
55.	Lịch sử vùng đất Nam bộ	<p>- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những đặc điểm chủ yếu của quá trình lịch sử cùng những điều kiện địa lý tự nhiên, cư dân, văn hóa, kinh tế - xã hội vùng Nam Bộ và tác động của chúng đối với việc thực hiện các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, đối ngoại và phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.</p> <p>- Mục tiêu của học phần nhằm giúp sinh viên nhận thức được những vấn đề cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển của vùng Nam Bộ qua các thời kỳ lịch sử. Thấy được vai trò, vị thế của vùng Nam Bộ trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Từ đó sinh viên tăng cường động cơ học tập, rèn luyện ngành nghề, góp phần xây dựng vùng Nam Bộ giàu đẹp.</p>	2(2+0)	Học kì IV	<p>- Đánh giá quá trình: Thời gian tham dự (30%); Thái độ tham dự (20%).</p> <p>- Đánh giá kết thúc học phần với hình thức làm tiểu luận nhóm (50%)</p>
56.	Vấn đề dân tộc, tôn giáo ở	Học phần cung cấp cho sinh viên nền tảng lý luận và tư duy khoa học về vấn đề tôn giáo trong	2(2+0)	Học kì VI	<p>Đánh giá chuyên cần (10%)</p> <p>Thực hành, thảo luận nhóm trên lớp</p>

	Việt Nam	<p>lịch sử Việt Nam. Bên cạnh đó học phần còn trang bị cho sinh viên lịch sử hình thành, phát triển cũng như các kiến thức cơ bản của một số tôn giáo lớn ở Việt Nam. Giúp sinh viên biết được sự thay đổi pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo của Việt Nam.</p> <p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về dân tộc, tôn giáo.</p> <p>Rèn luyện cho người học các kỹ năng như: Nhận diện và vận dụng các đặc điểm, giá trị và phương châm hoạt động của tôn giáo... đóng góp của dân tộc, tôn giáo trong lịch sử, xử lý các tình huống khác có liên quan.</p>			<p>(25%)</p> <p>Hoàn thành bài thực hành kiểm tra cá nhân (15%)</p> <p>Tiểu luận (50%)</p>
57.	Những cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam	<p>- Người học có sự hiểu biết về nội dung, ý nghĩa, cũng như những tác động từ các cuộc cải cách lớn trong lịch sử đã tác động đến tình hình kinh tế xã hội.</p> <p>- Thông qua học phần, những thành công, những hạn chế, những bài học kinh nghiệm lịch sử... là những kiến thức bổ ích để người học có thể vận dụng vào thực tế cuộc sống hiện nay.</p>	2(2+0)	Học kì VI	<p>-Đánh giá quá trình: Thời gian tham dự (30%); Thái độ tham dự (20%).</p> <p>- Vận dụng những kiến thức đã học về một số cuộc cải cách từ TK X đến TK XV người học tự chọn một vấn đề của một cuộc cải cách để viết bài tự luận (50%)</p>
58.	Văn hóa Đông Nam Á	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về văn hóa Đông Nam Á nói chung và nhận diện, lý giải, phân tích được những đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á; từ đó hiểu rõ giá trị của nó trong quá khứ, hiện tại và tương lai của khu vực	2(2+0)	Học kì VI	<p>-Đánh giá quá trình: Thời gian tham dự (30%); Thái độ tham dự (20%).</p> <p>- Vận dụng những kiến thức đã học về một số cuộc cải cách từ</p>

		nói riêng và của thế giới nói chung. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, đưa ra các giải pháp khắc phục lỗi, tư duy phân tích và tư duy phản biện; và thái độ học tập, làm việc, ứng xử phù hợp với môi trường công việc trong tương lai.			TK X đến TK XV người học tự chọn một vấn đề của một cuộc cải cách để viết bài tự luận (50%)
59.	Các di tích lịch sử - văn hoá và danh thắng Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Người học có kiến thức lí luận về di tích, danh thắng và phân biệt với các khái niệm có liên quan, từ đó hiểu biết được giá trị, vai trò của các di tích và danh thắng. - Từ kiến thức đã được học lý thuyết người học được rèn luyện kỹ năng thông qua thực tế bằng việc nghiên cứu một số trường hợp cụ thể đối với các di tích và danh thắng ở Việt Nam. - Ngoài ra, học phần còn giúp người học có ý thức giữ gìn và góp phần quảng bá các giá trị của di tích và danh thắng Việt Nam. 	2(2+0)	Học kì VI	<ul style="list-style-type: none"> -Đánh giá quá trình: Thời gian tham dự (30%); Thái độ tham dự (20%). - Vận dụng những kiến thức đã học về một số cuộc cải cách từ TK X đến TK XV người học tự chọn một vấn đề của một cuộc cải cách để viết bài tự luận (50%)
60.	Bảo tàng học	<p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về bảo tàng và các khâu công tác tại bảo tàng .</p> <p>Trải qua các thời kỳ lịch sử, bảo tàng với dấu hiệu chung là nơi gìn giữ những hiện vật gốc, sưu tập hiện vật gốc có giá trị, một thiết chế văn hóa phổ biến, góp phần tích cực vào việc phục vụ nhu</p>	2(0+2)	Học kì V	<p>Đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ (20%).</p> <p>Quan sát hoàn thành các dự án và hoạt động trải nghiệm công việc tại cơ sở thực hành</p>

		<p>câu văn hóa của địa phương, quốc gia, nhân loại.</p> <p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về về bảo tàng, đặc trưng, chức năng xã hội của bảo tàng, việc tổ chức, quản lý và sử dụng các di sản văn hóa, di sản tự nhiên và các khuynh hướng hoạt động của bảo tàng...</p> <p>Rèn luyện cho người học các kỹ năng như: xử lý các tình huống có liên quan.</p>			<p>(theo kế hoạch) (30%)</p> <p>Báo cáo thực tập (50%)</p>
61.	Lưu trữ học	<p>Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản, hồ sơ, tài liệu, tài liệu lưu trữ. Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng về nghiệp vụ lưu trữ: Phân loại tài liệu phong lưu trữ quốc gia Việt Nam, Xác định giá trị TLLT, tổ chức khai thác, sử dụng TLLT. Sinh viên nhận thức đúng về vai trò của công tác lưu trữ và tài liệu lưu trữ</p>	2(0+2)	Học kì V	<p>Đánh giá quá trình: Thời gian tham dự (30%); Thái độ tham dự (20%).</p> <p>Bài Tự luận cuối kì (50%)</p>
62.	Truyền thống dựng nước và giữ nước trong lịch sử Việt Nam	<p>Người học hiểu rõ lịch sử Việt Nam là lịch sử của đấu tranh dựng nước và giữ nước từ khi hình thành quốc gia cho đến ngày hôm nay. Thông qua học phần người học hiểu rõ quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam là hai yếu tố hòa quện với nhau không tách rời nhau, gắn bó mật thiết với nhau trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc.</p>	2(2+0)	Học kì V	<p>-Đánh giá quá trình: Thời gian tham dự (30%); Thái độ tham dự (20%).</p> <p>- Vận dụng những kiến thức đã học về một số cuộc cải cách từ TK X đến TK XV người học tự chọn một vấn đề của một cuộc cải cách để viết bài tự luận (50%)</p>
63.	Vấn đề nông dân trong lịch sử Việt Nam	<p>Khởi nghĩa nông dân và phong trào nông dân trong tiến trình lịch sử Việt Nam; vị trí và vai trò nông dân trong xã hội đương đại; nhận thức khách quan</p>	2(2+0)	Học kì V	<p>Kết hợp đánh giá quá trình với thời điểm, chú trọng ý tưởng và kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết</p>

		và khoa học về vấn đề nông dân.			các chủ đề cụ thể: chuyên cần (10%), bài tập (15%), kiểm tra giữa kỳ (25%), kiểm tra cuối kỳ (50%).
64.	Người Hoa ở Việt Nam	Lịch sử di dân và xác lập cộng đồng Hoa tộc ở Việt Nam; những hoạt động và đóng góp của người Hoa đối với lịch sử.	2(2+0)	Học kì VII	Kết hợp đánh giá quá trình với thời điểm, chú trọng ý tưởng và kỹ năng vận dụng kiến thức về người Hoa để giải quyết những vấn đề lịch sử và hiện trạng: chuyên cần (10%), bài tập (15%), hoạt động nhóm (25%), kiểm tra cuối kỳ (50%).
65.	CNXH ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận về chủ nghĩa xã hội từ khi xuất hiện và sự phát triển qua các giai đoạn lịch sử. Đồng thời học phần cũng trang bị những kiến thức về thực tiễn tiếp thu và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	2(2+0)	Học kì VII	- Đánh giá quá trình: Thời gian tham dự (30%); Thái độ tham dự (20%). - Đánh giá kết thúc học phần với hình thức làm tiểu luận nhóm (50%)
66.	Thực tập doanh nghiệp 1	Sinh viên được đi thực tập tại một doanh nghiệp liên quan đến chuyên môn ngành vừa áp dụng lý thuyết vào thực tế học nghề, vừa tạo cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.	2(0+2)	Học kì IV	Đánh giá chuyên cần (30%), thái độ (20%) Bài báo cáo 50%
67.	Thực tập doanh nghiệp 2	Trang bị cho sinh viên kỹ năng và phương pháp làm việc từ việc thực hành tại các cơ sở chuyên môn. Định hướng nghề nghiệp và hình thành các ý tưởng phát triển nghề nghiệp trong tương lai.	3(0+3)	Học kì V	Đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ (20%). Hoàn thành các dự án và công việc tại cơ sở thực hành (theo kế hoạch) (30%)

		Phát triển các kỹ năng và ý thức phục vụ cộng đồng.			Báo cáo thực tập (50%)
68.	Thực tập doanh nghiệp 3	<p>Trang bị cho sinh viên kỹ năng quan sát và phương pháp làm việc, trải nghiệm từ việc thực hành tại các cơ sở chuyên môn.</p> <p>Định hướng trải nghiệm và trải nghiệm nghề nghiệp và hình thành các ý tưởng phát triển nghề nghiệp trong tương lai.</p> <p>Phát triển các kỹ năng, các hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng.</p>	4(0+4)	Học kì VI	<p>Đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ (20%).</p> <p>Quan sát hoàn thành các dự án và hoạt động trải nghiệm công việc tại cơ sở thực hành (theo kế hoạch) (30%)</p> <p>Báo cáo thực tập (50%)</p>
69.	Thực tập tốt nghiệp	<p>- Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng học được trong nhà trường vào thực tế công việc, giúp sinh viên nhận biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình và cần trang bị thêm những kiến thức, kỹ năng để đáp ứng nhu cầu xã hội.</p> <p>- Củng cố kỹ năng thực hành, phương pháp học tập, nghiên cứu cho sinh viên nhằm mục đích đạt chuẩn chất lượng đào tạo. Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế của đơn vị thực tập cần nghiên cứu để đề xuất nội dung viết báo cáo thực tập.</p> <p>- Giúp sinh viên tìm hiểu yêu cầu và môi trường làm việc trong lĩnh vực thực tập để chủ động thích</p>	5(0+5)	Học kì VII	<p>- Giảng viên hướng dẫn: 50%</p> <p>- Đơn vị thực tập: 50%</p>

		nghi trong công việc thực tiễn. Trong quá trình thực tập, sinh viên có thể thiết lập được các mối quan hệ tốt với đơn vị thực tập và có cơ hội tìm kiếm được công việc ngay khi tốt nghiệp.			
70.	Khóa luận/Báo cáo tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nâng cao kiến thức, kỹ năng được trang bị trong quá trình học và phát huy tốt sở trường của mình trong chính công trình nghiên cứu đã chọn. - Giúp sinh viên có thể hệ thống hóa các kiến thức và kỹ năng của bản thân, vận dụng sáng tạo để thực hiện đề tài khoa học một cách tốt nhất, có sự sáng tạo và tính khoa học. - Giúp sinh viên rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, đưa ra các vấn đề của xã hội một cách kịp thời và tìm ra hướng giải quyết vấn đề độc lập. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên tính độc lập, tự chủ trong quá trình nghiên cứu khoa học. 	5(0+5)	Học kì VIII	Hội đồng chấm báo cáo tốt nghiệp

1.2. Chương trình cử nhân Địa lý học, khóa 2018 - 2022

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ	Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của	5(5+0)	Học kỳ I	-Đánh giá thường xuyên trên hệ thống E-Learning.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nghĩa Mác – Lênin	môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.			-Đánh giá bằng bài làm trắc nghiệm trên hệ thống máy tính.
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.	2(2+0)	Học kỳ II	-Đánh giá thường xuyên trên hệ thống E-Learning. -Đánh giá bằng bài làm trắc nghiệm trên hệ thống máy tính.
3.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. - Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo	3(3+0)	Học kỳ III	-Đánh giá thường xuyên trên hệ thống E-Learning. -Đánh giá bằng bài làm trắc nghiệm trên hệ thống máy tính.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.</p> <p>- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p>			
4.	Tư duy biện luận - sáng tạo	<p>Môn học củng cố cho sinh viên cách tư duy biện luận, cách học, nghiên cứu và ứng xử một cách hiệu quả và chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu về phương pháp làm việc, học tập và nghiên cứu trong học tập và công tác; giúp sinh viên có khả năng thích ứng với nhiều môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Giúp học viên vận dụng linh hoạt các tài liệu cũng như tự tìm tòi, bổ sung, cập nhật phù hợp với ngành của mình để thực hành, giải quyết bài tập tình huống ứng dụng.</p>	3(3+0)	Học kỳ I	<p>-Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50%</p> <p>-Kết thúc học phần thi tự luận: 50%</p>
5.	Nhập môn nghiên cứu khoa học	<p>Học phần giúp sinh viên bước đầu tiếp cận với các phương pháp trong nghiên cứu văn học nhằm sử dụng chúng trong công việc nghiên cứu sau này</p>	2(2+0)	Học kỳ II	<p>-Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50%</p> <p>-Kết thúc học phần làm tiểu luận: 50%</p>
6.	Lịch sử văn minh thế giới	<p>Lịch sử văn minh thế giới, một học phần có ý nghĩa quan trọng đối với ngành lịch sử, vì môn học không chỉ giới thiệu về sự hình thành, phát triển của các nền văn minh lớn ở phương Đông - phương Tây mà còn</p>	2(2+0)	Học kỳ I	<p>-Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		góp phần giúp cho sinh viên hiểu hơn về ý nghĩa, vai trò của những sản phẩm mang giá trị vật chất – tinh thần do con người tạo ra qua từng phân kỳ lịch sử, từ đó tạo người học thái độ biết trân trọng, bảo tồn những thành tựu là nền tảng đóng góp quan trọng cho bước phát triển văn minh nhân loại.			-Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
7.	Thống kê trong khoa học xã hội	Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết thống kê, các thuật thống kê nhằm phân tích thông tin và khẳng định các giả thuyết trong nghiên cứu khoa học xã hội. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các loại dữ liệu, biến, thang đo và mối quan hệ của các loại dữ liệu với nhau, mối quan hệ giữa dữ liệu với thang đo. Trang bị cơ sở lý thuyết về các phương pháp phân tích thống kê, các phương pháp kiểm định thống kê. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên biết cách phân tích và đọc kết quả phân tích dữ liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học	2(2+0)	Học kỳ II	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
8.	Xã hội học đại cương	Người học nắm những khái niệm, kiến thức cơ bản về xã hội học; Nội dung, tư duy logic các vấn đề xã hội - Thực hiện xây dựng đề cương, tiếp cận nghiên cứu xã hội học. - Ứng dụng từ lý thuyết liên hệ với thực tiễn xã hội. Nội dung môn học bao gồm những khái niệm và kiến thức cơ bản về xã hội học như quá trình hình thành,	2(2+0)	Học kỳ I	Đánh giá cụ thể học phần qua việc sinh viên tham gia lớp đầy đủ, thảo luận nhóm 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25%; kiểm tra KTHP tự luận 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phát triển, đối tượng, chức năng và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; Cơ cấu xã hội học; Một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, cá nhân và xã hội - quá trình xã hội hoá và một số trường phái xã hội học; Những thiết chế và tổ chức xã hội cơ bản;			
9.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần khái quát những đặc trưng của văn hoá Việt Nam qua các bình diện: nhận thức, tổ chức và ứng xử; Tính giá trị trong các hiện tượng văn hoá ở Việt Nam.	2(2+0)	Học kỳ I	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
10.	Logic học đại cương	Học phần cung cấp hệ thống các hình thức và quy luật cơ bản của tư duy : Ngoài 1 chương mở đầu Đại cương về logic học giới thiệu khái lược về đối tượng và một số vấn đề chung của môn Logic học đại cương. Nội dung môn học được cấu trúc thành 05 chương: Những quy luật cơ bản của tư duy; Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Chứng minh, bác bỏ và ngụy biện.	2(2+0)	Học kỳ II	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
11.	Toàn cầu hóa	Toàn cầu hóa là một xu thế liên kết trong quan hệ quốc tế làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau về nhiều mặt của đời sống xã hội giữa các quốc gia. Hiện nay quá trình này đang phát triển theo chiều hướng ngày càng sâu sắc hơn, nhanh hơn; thậm chí trở thành một trong những vấn đề quan trọng bậc nhất được tất cả các	2(2+0)	Học kỳ I	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần làm tiểu luận: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quốc gia quan tâm kể từ sau chiến tranh lạnh. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của xu thế toàn cầu hóa, những động lực thúc đẩy quá trình này, tác động của quá trình này đối với sự phát triển của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.			
12.	Tiếng Việt thực hành	<p>Học phần bao gồm hai nội dung cơ bản:</p> <p>Chương 1: Hệ thống hóa và củng cố hệ thống tri thức cơ bản về văn bản, phân tích văn bản và tạo lập văn bản.</p> <p>Thực hành rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn, nói và viết văn bản, viết phần lịch sử vấn đề trong luận văn khoa học,...</p> <p>Chương 2: Hệ thống hóa một số vấn đề về câu, từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt, chính tả tiếng Việt.</p> <p>Thực hành sửa các lỗi về chính tả, dùng từ và diễn đạt</p>	2(2+0)	Học kỳ I	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
13.	Nhập môn ngành Địa lý học	Nhập môn ngành là một học phần sinh viên được trang bị những kiến thức cơ sở cho việc học tập Địa lý học, giúp người học hình dung ra được nội dung nghiên cứu, tính ứng dụng của địa lý học, các phương pháp nghiên cứu và học tập.	3(2+1)	Học kỳ I	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học Địa lý	Học phần khái quát chung về nghiên cứu khoa học, các quan điểm và phương pháp nghiên cứu khoa học địa lý đặc trưng. Học phần chú trọng hướng dẫn người học thực hành nghiên cứu khoa học và đánh giá các công trình nghiên cứu	2(2+0)	Học kỳ II	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần báo cáo tiểu luận: 50%
15.	Hệ thống thông tin địa lý (GIS cơ bản)	Giới thiệu chung Mapinfo, xây dựng các yếu tố nội dung cho bản đồ hành chính, số hóa bản đồ. Hướng dẫn người học làm việc với dữ liệu thuộc tính, xây dựng các yếu tố toán học, yếu tố phụ trợ tạo thành các bản đồ hoàn chỉnh. Môn học chú trọng rèn luyện kỹ năng sử dụng phần mềm Mapinfo xây dựng thành các bản đồ chuyên đề phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu, làm việc.	2(0+2)	Học kỳ II	- Bài tập, làm việc nhóm: 50% - Thi thực hành trên máy tính: 50%
16.	Ứng dụng GIS trong Địa lý học	Môn học tập trung giới thiệu quy trình thành lập một số bản đồ chuyên đề, như quy trình thành lập một số bản đồ thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, du lịch, xây dựng dữ liệu thông tin thuộc tính, các dạng biểu đồ hỗ trợ cho bản đồ chuyên đề. Bên cạnh đó, học phần chú trọng khuyến khích các nhóm sinh viên xây dựng và thực hiện các đề án thành lập bản đồ phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu.	2(0+2)	Học kỳ IV	-Bài tập, làm việc nhóm: 50% -Thi thực hành trên máy tính: 70%
17.	Địa lý tự nhiên đại cương 1	Học phần đề cập những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lý tự nhiên, một số thuyết về nguồn gốc Vũ Trụ, Hệ Mặt	3(3+0)	Học kỳ I	-Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trời. Các chuyển động chính của Trái Đất và những hệ quả địa lý của nó. Khái niệm liên quan đến thạch quyển, các dạng địa hình bề mặt Trái Đất.			nhóm: 50% -Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
18.	Địa lý tự nhiên đại cương 2	Học phần gồm 5 chương. Nội dung đề cập tới các vấn đề trong quyển khí, nước, sinh vật và đất, cùng các quy luật địa lí chung.Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức địa lí tự nhiên có bản, là nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức địa lí chuyên sâu. Đồng thời, học phần chú trọng giáo dục sinh viên có ý thức trong việc bảo vệ môi trường sống, góp phần giảm tác hại của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường không khí ,môi trường nước, đất, suy giảm đa dạng sinh học.	3(3+0)	Học kỳ II	-Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% -Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
19.	Bản đồ học đại cương	Môn học cung cấp những khái niệm cơ bản về bản đồ học, vai trò của bản đồ trong nghiên cứu, sản xuất và đời sống, một số bản đồ giáo khoa thường dùng, cơ sở toán học của bản đồ, hệ thống ký hiệu đặc thù – ngôn ngữ bản đồ, các phương pháp biểu hiện bản đồ, quá trình tổng quát hóa bản đồ. Ngoài ra, môn học còn chú trọng rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ cho người học.	3(3+0)	Học kỳ II	-Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% -Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
20.	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1	Học phần giới thiệu đối tượng, nhiệm vụ phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý KT-XH. Những khái niệm cơ bản, các quan điểm quy luật địa	3(3+0)	Học kỳ II	-Đánh giá quá trình: thuyết trình, bài kiểm tra: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý về môi trường, tài nguyên, về phát triển bền vững. Những vấn đề cơ bản của địa lý dân cư và một số khía cạnh của địa lý xã hội. Bên cạnh đó học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề kinh tế xã hội trên thế giới đang được quan tâm hiện nay như toàn cầu hóa, biến đổi môi trường, kinh tế tri thức... và một số xu hướng phát triển tương lai.			-Bài thi kết thúc học phần tự luận: 50%
21.	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2	Học phần cung cấp sinh viên kiến thức về khái niệm, nguồn lực phát triển nền sản xuất xã hội. Đồng thời nghiên cứu quan niệm, cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố hệ thống các ngành kinh tế bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Môn học đồng thời cung cấp những xu hướng thay đổi nền sản xuất nói chung và các ngành nói riêng. Nghiên cứu các hình thức tổ chức lãnh thổ các ngành đạt hiệu quả tối ưu trong nền kinh tế hiện đại	2(2+0)	Học kỳ III	-Đánh giá quá trình: thuyết trình, bài kiểm tra: 50% -Bài thi kết thúc học phần tự luận: 50%
22.	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	Học phần trình bày những nét khái quát về vị trí địa lý, lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam và sự hình thành khoáng sản; đặc điểm địa hình, các kiểu địa hình chủ yếu; khí hậu Việt Nam và sự phân hóa đa dạng của khí hậu; đặc điểm chung của sông ngòi và các hệ thống sông chính của Việt Nam; đặc điểm hải văn Biển Đông; đặc điểm chung của thổ nhưỡng và các loại đất chính; đặc điểm chung của giới sinh vật và các kiểu thảm thực vật chính ở nước ta; đặc	3(3+0)	Học kỳ III	-Đánh giá quá trình: thuyết trình, bài kiểm tra: 50% -Kết thúc học phần thi tự luận 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điểm chung của tự nhiên Việt Nam. Qua đó, giúp sinh viên đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên Việt Nam đối với phát triển kinh tế - xã hội.			
23.	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	Học phần trình bày những nét khái quát về cơ sở lý luận về phân vùng địa lý tự nhiên của lãnh thổ Việt Nam, những đặc điểm tự nhiên của các miền địa lý, sự phân hóa của từng miền. Qua đó, giúp sinh viên đánh giá được những thuận lợi và khó khăn về mặt tự nhiên của từng miền, từng khu để đưa ra những định hướng phát triển kinh tế hợp lý.	3(3+0)	Học kỳ IV	-Đánh giá quá trình: thuyết trình, bài kiểm tra: 50% -Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
24.	Địa lý tự nhiên các lục địa	SV nắm được các đặc điểm chính về mặt tự nhiên của các châu. Tóm tắt được những đặc điểm chính về địa lí các khu vực của châu lục; So sánh và giải thích được những đặc điểm tự nhiên của các châu lục, cùng các kỹ năng đọc bản đồ bản đồ	3(3+0)	Học kỳ II	-Đánh giá quá trình: bài tập thực hành - 50% -Kết thúc học phần: Trắc nghiệm - 50%
25.	Địa lý kinh tế xã hội thế giới 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư – xã hội của châu Á, châu Âu. Sinh viên nắm vững đặc điểm nền kinh tế - xã hội các nước châu Âu, châu Á bao gồm: Một số đặc trưng về địa lí kinh tế - xã hội các, cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của các tổ chức khu vực và một số quốc gia tiêu biểu, với những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau, sự phát triển kinh tế qua các	2(2+0)	Học kỳ III	-Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% -Kết thúc học phần thi tự luận: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thời kỳ lịch sử, những ngành kinh tế nổi bật, những vùng kinh tế - xã hội thể hiện sự phân hóa lãnh thổ.			
26.	Địa lý kinh tế xã hội thế giới 2	Trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư – xã hội của châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương. Sinh viên nắm vững đặc điểm nền kinh tế - xã hội các nước châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương bao gồm: Một số đặc trưng về địa lý kinh tế - xã hội các, cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của các tổ chức khu vực và ở một số quốc gia tiêu biểu, với những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau, sự phát triển kinh tế qua các thời kỳ lịch sử, những ngành kinh tế nổi bật, những vùng kinh tế - xã hội thể hiện sự phân hóa lãnh thổ.	2(2+0)	Học kỳ IV	-Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% -Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
27.	Tài nguyên và môi trường	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Ngoài ra học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề tài nguyên, môi trường khu vực đô thị và nông thôn Việt Nam. Đây là hệ thống kiến thức rất cần thiết đối với sinh viên trong học tập, nghiên cứu cũng như được làm việc trong các phòng ban ngành tài nguyên – môi trường, đặc biệt trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.	2(2+0)	Học kỳ I	-Đánh giá quá trình: thuyết trình, bài kiểm tra: 50% -Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
28.	Thiết kế web	Học phần Thiết kế Web giới thiệu cho người học	3(1+2)	Học kỳ IV	Bài tập thực hành, bài thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những kiến thức cơ bản về Internet, cách tạo một Website đơn giản, cung cấp kiến thức nền tảng trong việc thiết kế website tĩnh với công nghệ HTML, CSS, JavaScript tạo tiền đề cho việc phát triển và lập trình Web động. Đồng thời môn học này cũng giới thiệu cho sinh viên hiểu được nguyên tắc thiết kế và quản lý một Website tĩnh với cấu trúc đơn giản với đầy đủ những công cụ cơ bản có sẵn hỗ trợ cho việc thiết kế Web, cung cấp các phương pháp thiết kế web cơ bản bằng Dreamweaver, biết cách quản lý và xuất bản website lên Internet.			thực hành – 120 phút (thiết kế giao diện ứng dụng theo yêu cầu): 50% Thi kết thúc học phần 50%: thực hành trên máy tính
29.	Nghiệp vụ công tác văn phòng	Học phần này giúp cho người học có hiểu biết đầy đủ về công tác văn phòng trong cơ quan, tổ chức, đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước, từ quản lý văn bản, thông tin, thời gian, đến tổ chức đi công tác, tổ chức hội nghị, lễ tân. Nội dung học phần được cấu thành 6 chương: một số vấn đề chung về quản trị văn phòng; quản trị văn phòng; một số nghiệp vụ cơ bản của văn phòng; tổ chức công tác lễ tân; soạn thảo và quản lý văn bản; công tác lưu trữ.	(0+2)	Học kỳ II	-Bài tập, làm việc nhóm: 50% -Thi thực hành trên máy tính: 50%
30.	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về địa lý kinh tế-xã hội như đối tượng nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Học phần còn đề cập tới những vấn đề quan trọng như môi trường	3(3+0)	Học kỳ IV	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và tài nguyên thiên nhiên đối với sản xuất xã hội. Đặc biệt, học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về địa lý dân cư, địa lý các ngành kinh tế ở Việt Nam... tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới hiện nay và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.			- Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
31.	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2	<p>Học phần gồm các nội dung: cơ sở lí luận tổ chức lãnh thổ sản xuất của vùng, một số phương pháp thực hiện tổ chức lãnh thổ sản xuất. Khái niệm về vùng, hiểu bản chất những nội dung của khái niệm tổ chức lãnh thổ. Đánh giá các vùng kinh tế ở nước ta về các mặt: nguồn lực phát triển, cơ cấu sản xuất, khả năng đáp ứng yêu cầu trong tương lai và xu hướng phát triển.</p> <p>Phân kỹ năng: rèn luyện kỹ năng làm việc với bản đồ, với các bảng biểu, số liệu</p>	3(3+0)	Học kỳ V	<p>- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50%</p> <p>- Kết thúc học phần thi tự luận: 50%</p>
32.	Địa lý du lịch	Giới thiệu những lý thuyết khoa học quan trọng về ngành du lịch và các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch. Giới thiệu những đặc điểm quan trọng của du lịch thế giới và Việt Nam về tài nguyên du lịch, tình hình phát triển và xu hướng phát triển ngành du lịch đồng thời tìm hiểu những đặc trưng của các vùng du lịch Việt Nam. Trên cơ sở lý thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng vào phân tích thực tiễn về đặc điểm và tình hình khai thác tài	3(3+0)	Học kỳ III	<p>-Làm việc nhóm, cá nhân trên lớp: 50%</p> <p>-Báo cáo khảo sát thực tế: 50%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguyên du lịch ở một số địa bàn thực địa cụ thể.			
33.	Thực tế chuyên môn 1	Vận dụng những hiểu biết đã học vào tìm hiểu, phân tích, giải thích những đặc điểm tự nhiên – kinh tế xã hội trên một khu vực lãnh thổ nhất định. Thực hiện các thao tác đo đạc, quan trắc, điều tra, khảo sát...các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn. Nhận biết vai trò con người và mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và tự nhiên trên lãnh thổ thực địa.	2(0+2)	Học kỳ III	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần báo cáo tiểu luận: 50%
34.	Thực tế chuyên môn 2	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và thiết kế chương trình du lịch trên tuyến du lịch cụ thể. Tổ chức, hướng dẫn, thuyết minh trên tuyến và tại các điểm du lịch, xử lý các tình huống nghiệp vụ hướng dẫn phát sinh.	4(0+4)	Học kỳ IV	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần báo cáo tiểu luận: 50%
35.	Kỹ năng hoạt náo và tổ chức sự kiện	Học phần trang bị cho người học những kỹ năng hoạt náo cơ bản, tổ chức các trò chơi vận động, tạo không khí vui vẻ thoải mái trong quá trình du lịch. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: qui trình tổ chức, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức một số sự kiện và các kỹ năng cần thiết cho quá	2(0+2)	Học kỳ IV	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần báo cáo tiểu luận: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình tổ chức sự kiện.			
36.	Địa lý Biển Đông	Học phần khái quát chung về vị trí, giới hạn, diện tích của biển Đông và vùng biển Việt Nam cùng vai trò và ý nghĩa của biển Đông đối với chiến lược phát triển kinh tế xã hội khu vực Đông Nam Á. Tìm hiểu các đặc điểm địa lý tự nhiên biển Đông; đánh giá và khai thác, bảo vệ tài nguyên biển Đông, vấn đề tranh chấp chủ quyền và xu thế giải quyết của các nước trên biển Đông và tìm hiểu thực tế đặc điểm tự nhiên – kinh tế xã hội một số vùng biển Việt Nam.	2(2+0)	Học kỳ V	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
37.	Quy hoạch lãnh thổ du lịch	Môn học cung cấp những cơ sở lý luận về quy hoạch lãnh thổ du lịch, nghiên cứu tiềm năng, thực trạng quy hoạch lãnh thổ du lịch. Trên cơ sở những lý luận, tiềm năng và thực trạng quy hoạch lãnh thổ du lịch, học phần nghiên cứu quy hoạch lãnh thổ du lịch ở các vùng: biển, núi, nông thôn và ven đô. Ngoài ra, môn học còn chú trọng rèn luyện về kỹ năng xây dựng bản đồ quy hoạch lãnh thổ du lịch phục vụ cho học tập và nghiên cứu.	2(2+0)	Học kỳ V	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
38.	Di tích và danh thắng trong phát triển du lịch	Học phần giới thiệu lý luận di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, hệ thống các di tích lịch sử, danh thắng Việt Nam và khai thác các giá trị đó đối với hoạt động du lịch. Cung cấp kiến thức về hệ thống	2(0+2)	Học kỳ V	- Đánh giá quá trình: thuyết trình, bài thu hoạch thực tế: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bảo tàng Việt Nam, mối quan hệ giữa bảo tàng và du lịch và một số bảo tàng tiêu biểu ở Việt Nam. Đồng thời học phần thực hiện tham quan thực tế và cho người học tiến hành một số hoạt động tổ chức và hướng dẫn du lịch tại các địa điểm.			- Bài tiểu luận: 50%
39.	Giáo dục môi trường cộng đồng	Nội dung giới thiệu những vấn đề cơ bản về môi trường và ô nhiễm môi trường; bảo vệ môi trường cho phát triển bền vững; nội dung và các phương thức giáo dục môi trường cộng đồng cho phát triển bền vững. Ngoài ra học phần gồm 6 buổi thực hành: tìm hiểu những vấn đề môi trường và ô nhiễm môi trường tại địa phương. Những trải nghiệm thực tế tại địa phương giúp các em nhận thức đúng về những giá trị của môi trường và có những hành động cụ thể góp phần xây dựng quê hương đất nước giàu đẹp, văn minh.	2(0+2)	Học kỳ V	- Đánh giá quá trình: thuyết trình, bài thu hoạch thực tế: 50% - Bài tiểu luận: 50%
40.	Xây dựng và phân tích biểu đồ địa lý	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng xây dựng và phân tích các loại biểu đồ trên phần mềm Excel. Thông qua học phần sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học để giải thích các vấn đề liên quan một cách hiệu quả nhất. Môn học còn phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên khi tham gia vào các đề tài, khóa luận tốt nghiệp sau này	2(0+2)	Học kỳ III	-Đánh giá quá trình: bài thực hành mỗi buổi và bài kiểm tra cá nhân: 50% -Bài thi thực hành trên máy tính: 50%
41.	Điều tra và phân	Trang bị cho sinh viên kỹ năng điều tra xã hội học	2(0+2)	Học kỳ III	-Bài báo cáo kết quả điều

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	tích dữ liệu KTXH	thực tế và phân tích dữ liệu thu thập được trên phần mềm SPSSExcel. Thông qua đó sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học để giải thích và rút ra được các vấn đề KTXH liên quan. Học phần còn phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên khi tham gia vào các đề tài, khóa luận tốt nghiệp.			tra và phân tích dữ liệu từ kết quả điều tra (theo nhóm)
42.	Thiết kế và điều hành tour	<p>Học phần trang bị cho người học kiến thức về việc xây dựng tour du lịch, các phương pháp định giá tour cũng như các biện pháp tổ chức xúc tiến và bán tour du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trang bị kiến thức về điều hành và quản lý các chương trình du lịch.</p> <p>Kết thúc môn học, sinh viên có kỹ năng xây dựng và thực hiện các chương trình du lịch trọn gói, biết xây dựng và thực hiện các hoạt động xúc tiến hỗn hợp trong kinh doanh lữ hành, hiểu và thực hiện tổ chức quản lý và điều hành chương trình du lịch.</p>	3(0+3)	Học kỳ VI	<p>- Đánh giá quá trình: báo cáo cá nhân: Tìm hiểu thực tế cách thức định giá tour của các công ty du lịch ở Việt Nam có xác nhận của công ty du lịch.</p> <p>Đánh giá cuối kỳ: Báo cáo cá nhân, bao gồm 3 phần theo hướng dẫn:</p> <p>+ Phần 1: Chương trình du lịch đã thiết kế</p> <p>+ Phần 2: Bảng tính giá tour</p> <p>+ Phần 3: Xây dựng bài thuyết minh trên tuyến</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43.	Marketing du lịch	Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản tổng quan về marketing và marketing du lịch. Trang bị cho SV những kinh nghiệm thực tế về marketing du lịch và hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành tại các doanh nghiệp du lịch. Từ đó đưa ra các phương pháp nghiên cứu nhu cầu của khách hàng, phân tích hành vi tiêu dùng của khách du lịch và các phương thức cung ứng sản phẩm trên cơ sở phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.	3(0+3)	Học kỳ VI	-Đánh giá quá trình (cá nhân và nhóm) Kiểm tra cuối kì: -Bài tập có nghiên cứu thị trường marketing du lịch và phân tích (tiểu luận nhóm)
44.	Địa lý đô thị	Cung cấp các kiến thức về những lý luận chung về đô thị gồm khái niệm đô thị, phân loại, lịch sử, chức năng và vai trò đô thị; những đặc trưng của đô thị hóa bao gồm khái niệm đô thị hóa, biểu hiện cơ bản của đô thị hóa, đặc điểm đô thị hóa của các nhóm nước và khu vực trên thế giới, ảnh hưởng đô thị hóa; những vấn đề của đô thị đang gặp phải hiện nay; những đặc điểm khái quát của đô thị Việt Nam, dự báo xu hướng phát triển địa lý đô thị.	2(2+0)	Học kỳ III	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
45.	Địa lý nhân văn	Học phần giới thiệu những lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu địa lý nhân văn như quan điểm, vai trò, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu địa lý nhân văn. Trên cơ sở đó, đi sâu vào tìm hiểu những vấn đề địa lý nhân văn cụ thể về gồm chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo; Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp và các dạng quần cư nông thôn; Tổ chức lãnh thổ công	2(2+0)	Học kỳ III	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngiệp và các dạng quần cư thành phố; Du lịch và tổ chức lãnh thổ du lịch. Sinh viên sẽ vận dụng lý thuyết khảo sát các đặc điểm địa lý nhân văn trên khu vực địa phương cụ thể			
46.	Du lịch văn hóa	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch văn hóa như các khái niệm, đặc trưng, sản phẩm của du lịch văn hóa. Giới thiệu đến sinh viên những loại hình du lịch văn hóa đang phát triển trên thế giới cùng các xu hướng du lịch văn hóa. Khái quát vai trò và tầm quan trọng của du lịch văn hóa Việt cùng tiềm năng du lịch văn hóa và cho người học tìm hiểu giá trị một số địa điểm du lịch văn hóa nổi tiếng. Cung cấp kiến thức về cách nhận diện và khai thác giá trị văn hóa phục vụ du lịch. Trên cơ sở đó học phần đi sâu vào hướng dẫn và cho người học thực hành một số kỹ năng và nghiệp vụ du lịch văn hóa cụ thể.	2(2+0)	Học kỳ V	-Làm việc trên lớp theo nhóm, cá nhân: 50% -Kết quả thực hành ở thực tế: 50%
47.	Du lịch sinh thái	Môn học cung cấp những cơ sở lý luận về du lịch sinh thái, tổng quan về du lịch sinh thái Việt Nam và tìm hiểu một số loại hình du lịch sinh thái tiêu biểu ở nước ta. Ngoài ra học phần chú trọng bồi dưỡng kỹ năng quan sát, phân tích, tư duy biện luận cho người học, đồng thời giúp sinh viên có thái độ yêu quý, bảo vệ các dạng tài nguyên cảnh quan ở nước ta.	2(0+2)	Học kỳ IV	-Thuyết trình, làm việc nhóm: 50% -Tiểu luận: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48.	Thực tập nghề nghiệp 1	Thực tập 1 là học phần sinh viên được thực hành thực tế tại các cơ quan doanh nghiệp, các tổ chức Nhà nước và tư nhân trong các lĩnh vực kinh tế và xã hội. Tại đó sinh viên được làm quen và bước đầu vận dụng những tri thức đã học được vào nghề nghiệp của mình.	6(0+6)	Học kỳ V	Chuẩn bị yêu cầu, những đồ dùng, ... cho công việc tại nơi thực tập 40% Nghiên cứu, hoàn thiện những công việc được giao tại cơ sở thực tập 40% Hoàn tất nhật ký việc tự học: 20%
49.	Thực tập nghề nghiệp 2	Thực tập 2 là học phần sinh viên được thực hành thực tế tại các cơ quan doanh nghiệp, các tổ chức Nhà nước và tư nhân trong các lĩnh vực du lịch. Tại đó sinh viên được vận dụng những tri thức đã học được, đồng thời được cọ sát để học hỏi thêm những kiến thức thực tế chuyên ngành nghề nghiệp của mình.	9(0+9)	Học kỳ VI	Chuẩn bị yêu cầu, những đồ dùng, ... cho công việc tại nơi thực tập 40% Nghiên cứu, hoàn thiện những công việc được giao tại cơ sở thực tập 40% Hoàn tất nhật ký việc tự học: 20%
50.	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	Học phần gồm 12 chương với các chủ đề liên quan đến lĩnh vực du lịch và khách sạn. Môn học gần như bao quát những khái niệm về chuyên ngành du lịch và khách sạn nên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho những sinh viên có ý định làm việc hay học tập	2(2+0)	Học kỳ V	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi vấn đáp: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên sâu trong lĩnh vực này			
51.	Du lịch văn hóa cộng đồng	Học phần trang bị cho người học các kiến thức về phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở đó vận dụng đánh giá các giá trị văn hóa phục vụ du lịch cộng đồng của Việt Nam. Người học có cơ hội học tập và rèn luyện cho người các kỹ năng về cách điều tra, đánh giá các nguồn tài nguyên cùng thực trạng phát triển du lịch văn hóa cộng đồng. Hướng đến sự thay đổi nhận thức về vai trò cộng đồng đối với ngành du lịch.	2(0+2)	Học kỳ VI	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần làm báo cáo khảo sát thực tế từng cá nhân: 50%
52.	Nghiep vụ lễ tân	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động Lễ tân du lịch, những kỹ năng về tổ chức hoạt động và các nghiệp vụ chủ yếu của nhân viên lễ tân: phương pháp tổ chức, cách thức thực hiện quy trình đón tiếp và phục vụ du khách. Rèn luyện cho người học thái độ ứng xử hòa nhã, thân thiện với du khách.	2(0+2)	Học kỳ VI	Đánh giá thường xuyên: thực hành giao tiếp của cá nhân trong cá tình huống: 50% - Kết thúc học phần thi vấn đáp xử lý tình huống: 50%
53.		Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ khách sạn, các công việc của nhân viên khách sạn tại các vị trí: lễ tân, phục vụ nhà hàng, phục vụ buồng và phục vụ quầy bar. Luyện tập và thực hiện các kỹ năng, thao tác phục vụ và giải quyết tình huống với vai trò là nhân viên lễ tân, nhân	2(2+0)	Học kỳ V	Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Nghịệp vụ khách sạn, nhà hàng	viên phục vụ nhà hàng, nhân viên phục vụ buồng và nhân viên phục vụ quầy bar trong khách sạn. Yêu thích công việc và biểu hiện thái độ chuẩn mực trong các hoạt động nghề nghiệp thuộc lĩnh vực khách sạn.			
54.	Khóa luận TN/Báo cáo tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nâng cao kiến thức, kỹ năng được trang bị trong quá trình học và phát huy tốt sở trường của mình trong chính công trình nghiên cứu đã chọn. - Giúp sinh viên có thể hệ thống hóa các kiến thức và kỹ năng của bản thân, vận dụng sáng tạo để thực hiện đề tài khoa học một cách tốt nhất, có sự sáng tạo và tính khoa học. - Giúp sinh viên rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, đưa ra các vấn đề của xã hội một cách kịp thời và tìm ra hướng giải quyết vấn đề độc lập. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên tính độc lập, tự chủ trong quá trình nghiên cứu khoa học. 	5(0+5)	Học kỳ VII	Hội đồng chấm Khóa luận/ Báo cáo tốt nghiệp

12.3. Chương trình cử nhân Địa lý học, khóa học 2017-2021

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ	Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của	5(5+0)	Học kỳ I	Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nghĩa Mác – Lênin	môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.			
2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.	2(2+0)	Học kỳ II	Trắc nghiệm
3.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. - Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo	3(3+0)	Học kỳ III	-Đánh giá thường xuyên trên hệ thống E-Learning. -Đánh giá bằng bài làm trắc nghiệm trên hệ thống máy tính.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.</p> <p>- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p>			
4.	Tư duy biện luận ứng dụng	Môn học củng cố cho sinh viên cách tư duy biện luận, cách học, nghiên cứu và ứng xử một cách hiệu quả và chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu về phương pháp làm việc, học tập và nghiên cứu trong học tập và công tác; giúp sinh viên có khả năng thích ứng với nhiều môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Giúp học viên vận dụng linh hoạt các tài liệu cũng như tự tìm tòi, bổ sung, cập nhật phù hợp với ngành của mình để thực hành, giải quyết bài tập tình huống ứng dụng.	3(+0)	Học kỳ I	Tư luận
5.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần giúp sinh viên bước đầu tiếp cận với các phương pháp trong nghiên cứu văn học nhằm sử dụng chúng trong công việc nghiên cứu sau này	2(2+0)	Học kỳ II	<p>-Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50%</p> <p>-Kết thúc học phần làm tiểu luận: 50%</p>
6.	Lịch sử văn minh thế giới	Lịch sử văn minh thế giới, một học phần có ý nghĩa quan trọng đối với ngành lịch sử, vì môn học không chỉ giới thiệu về sự hình thành, phát triển của các nền văn minh lớn ở phương Đông - phương Tây mà còn	2(2+0)	Học kỳ I	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		góp phần giúp cho sinh viên hiểu hơn về ý nghĩa, vai trò của những sản phẩm mang giá trị vật chất – tinh thần do con người tạo ra qua từng phân kỳ lịch sử, từ đó tạo người học thái độ biết trân trọng, bảo tồn những thành tựu là nền tảng đóng góp quan trọng cho bước phát triển văn minh nhân loại.			
7.	Khoa học giao tiếp	Sinh viên phân tích được những kiến thức cơ bản, nền tảng về giao tiếp: Kiến thức tổng quát về giao tiếp; những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp; các kỹ năng giao tiếp cơ bản.	2(2+0)	Học kỳ I	Tự luận
8.	Thống kê trong khoa học xã hội	: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu rõ phương pháp lập bảng thống kê và xử lý dữ liệu. Giải thích, phân tích được các số liệu trong bảng <i>thống kê mô tả</i> và <i>thống kê suy diễn</i> trong khoa học xã hội;	2(2+0)	Học kỳ II	Tự luận
9.	Logic học đại cương	Học phần cung cấp hệ thống các hình thức và quy luật cơ bản của tư duy : Ngoài 1 chương mở đầu Đại cương về logic học giới thiệu khái lược về đối tượng và một số vấn đề chung của môn Logic học đại cương. Nội dung môn học được cấu trúc thành 05 chương: Những quy luật cơ bản của tư duy; Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Chứng minh, bác bỏ và ngụy biện.	2(2+0)	Học kỳ II	Tự luận
10.	Toàn cầu hóa	Toàn cầu hóa là một xu thế liên kết trong quan hệ quốc tế làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau về nhiều mặt	2(2+0)	Học kỳ II	Tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>của đời sống xã hội giữa các quốc gia. Hiện nay quá trình này đang phát triển theo chiều hướng ngày càng sâu sắc hơn, nhanh hơn; thậm chí trở thành một trong những vấn đề quan trọng bậc nhất được tất cả các quốc gia quan tâm kể từ sau chiến tranh lạnh. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của xu thế toàn cầu hóa, những động lực thúc đẩy quá trình này, tác động của quá trình này đối với sự phát triển của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.</p>			
11.	Xã hội học đại cương	<p>Người học nắm những khái niệm, kiến thức cơ bản về xã hội học; Nội dung, tư duy logic các vấn đề xã hội - Thực hiện xây dựng đề cương, tiếp cận nghiên cứu xã hội học.</p> <p>- Ứng dụng từ lý thuyết liên hệ với thực tiễn xã hội.</p> <p>Nội dung môn học bao gồm những khái niệm và kiến thức cơ bản về xã hội học như quá trình hình thành, phát triển, đối tượng, chức năng và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; Cơ cấu xã hội học; Một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, cá nhân và xã hội - quá trình xã hội hoá và một số trường phái xã hội học; Những thiết chế và tổ chức xã hội cơ bản;</p>	2(2+0)	Học kỳ II	Tự luận
12.	Nhập môn ngành Địa lý học	Nhập môn ngành là một học phần sinh viên được trang bị những kiến thức cơ sở cho việc học tập Địa lý học, giúp người học hình dung ra được nội dung	2(2+0)	Học kỳ I	-Kiểm tra thường xuyên: tự luận - 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu, tính ứng dụng của địa lí học, các phương pháp nghiên cứu và học tập.			-Kiểm tra kết thúc học phần: tiểu luận cá nhân - 70%
13.	Hệ thống thông tin địa lý (GIS cơ bản)	Giới thiệu chung Mapinfo, xây dựng các yếu tố nội dung cho bản đồ hành chính, số hóa bản đồ. Hướng dẫn người học làm việc với dữ liệu thuộc tính, xây dựng các yếu tố toán học, yếu tố phụ trợ tạo thành các bản đồ hoàn chỉnh . Môn học chú trọng rèn luyện kỹ năng sử dụng phần mềm Mapinfo xây dựng thành các bản đồ chuyên đề phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu, làm việc.	2(0+2)	Học kỳ III	-Bài tập, làm việc nhóm: 50% -Thi thực hành trên máy tính: 50%
14.	Địa lý tự nhiên đại cương 1	Học phần đề cập những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lý tự nhiên, một số thuyết về nguồn gốc Vũ Trụ, Hệ Mặt Trời. Các chuyển động chính của Trái Đất và những hệ quả địa lý của nó. Khái niệm liên quan đến thạch quyển, các dạng địa hình bề mặt Trái Đất.	3(3+0)	Học kỳ I	-Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 30% -Kết thúc học phần thi tự luận: 70%
15.	Địa lý tự nhiên đại cương 2	Học phần gồm 2 chương, trong đó chương 1 : trình bày các đặc điểm cơ bản của khí quyển: khái niệm; bức xạ Mặt trời và chế độ nhiệt; nước trong khí quyển; khí áp và gió; khí hậu, các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. Chương 2: trình bày những vấn đề cơ bản của thủy quyển; mối quan hệ giữa thủy quyển với khí quyển và với các thành phần khác trong lớp	2(2+0)	Học kỳ II	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vỏ địa lí. Chương 3: đề cập đến sự hình thành thổ nhưỡng và phân bố đất trên thế giới; Chương 4: giới thiệu về sinh quyển và phân bố các đới sinh vật trên Trái đất, loài người trên Trái đất; Chương 5: Tìm hiểu về lớp vỏ cảnh quan địa lý và các quy luật địa lý của Trái đất. Bên cạnh đó, học phần chú trọng giáo dục sinh viên có ý thức trong việc bảo vệ môi trường sống, góp phần giảm tác hại của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước, đất, suy giảm đa dạng sinh học.			
16.	Địa lý tự nhiên đại cương 3	<p>Trang bị kiến thức về sự hình thành thổ nhưỡng và phân bố đất trên thế giới; sinh quyển và phân bố các đới sinh vật trên Trái đất, loài người trên Trái đất; lớp vỏ cảnh quan địa lý và các quy luật địa lý của Trái đất; một số vấn đề về sử dụng hợp lý và bảo vệ tự nhiên.</p> <p>Vận dụng các kiến thức đã học để: Vẽ phẫu diện thổ nhưỡng và phân biệt các tầng đất; Đọc và phân tích bản đồ thổ nhưỡng trên thế giới; Vấn đề bảo vệ môi trường ở địa phương (lựa chọn một vấn đề môi trường ở địa phương để viết báo cáo).</p>	2(2+0)	Học kỳ II	<p>- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25%</p> <p>- Kết thúc học phần thi tự luận: 50%</p>
17.	Bản đồ học đại cương	Môn học cung cấp những khái niệm cơ bản về bản đồ học, vai trò của bản đồ trong nghiên cứu, sản xuất và đời sống, một số bản đồ giáo khoa thường dùng, cơ sở toán học của bản đồ, hệ thống ký hiệu đặc thù – ngôn	3(3+0)	Học kỳ III	-- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngữ bản đồ, các phương pháp biểu hiện bản đồ, quá trình tổng quát hóa bản đồ. Ngoài ra, môn học còn chú trọng rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ cho người học.			kỳ tự luận 25% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
18.	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1	Học phần giới thiệu đối tượng, nhiệm vụ phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý KT-XH. Những khái niệm cơ bản, các quan điểm quy luật địa lý về môi trường, tài nguyên, về phát triển bền vững. Những vấn đề cơ bản của địa lý dân cư và một số khía cạnh của địa lý xã hội. Bên cạnh đó học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề kinh tế xã hội trên thế giới đang được quan tâm hiện nay như toàn cầu hóa, biến đổi môi trường, kinh tế tri thức...và một số xu hướng phát triển tương lai.	3(3+0)	Học kỳ II	-- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
19.	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2	Học phần cung cấp sinh viên kiến thức về khái niệm, nguồn lực phát triển nền sản xuất xã hội. Đồng thời nghiên cứu quan niệm, cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố hệ thống các ngành kinh tế bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Môn học đồng thời cung cấp những xu hướng thay đổi nền sản xuất nói chung và các ngành nói riêng. Nghiên cứu các hình thức tổ chức lãnh thổ các ngành đạt hiệu quả tối ưu trong nền kinh tế hiện đại	2(2+0)	Học kỳ III	-- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
20.	Địa lý tự nhiên	Học phần trình bày những nét khái quát về vị trí địa	3(3+0)	Học kỳ III	-- Đánh giá thường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Việt Nam 1	lý, lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam và sự hình thành khoáng sản; đặc điểm địa hình, các kiểu địa hình chủ yếu; khí hậu Việt Nam và sự phân hóa đa dạng của khí hậu; đặc điểm chung của sông ngòi và các hệ thống sông chính của Việt Nam; đặc điểm hải văn Biển Đông; đặc điểm chung của thổ nhưỡng và các loại đất chính; đặc điểm chung của giới sinh vật và các kiểu thảm thực vật chính ở nước ta; đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam. Qua đó, giúp sinh viên đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên Việt Nam đối với phát triển kinh tế - xã hội.			xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25% - Kết thúc học phần thi vấn đáp: 50%
21.	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	Học phần trình bày những nét khái quát về cơ sở lý luận về phân vùng địa lý tự nhiên của lãnh thổ Việt Nam, những đặc điểm tự nhiên của các miền địa lý, sự phân hóa của từng miền. Qua đó, giúp sinh viên đánh giá được những thuận lợi và khó khăn về mặt tự nhiên của từng miền, từng khu để đưa ra những định hướng phát triển kinh tế hợp lý.	3(3+0)	Học kỳ IV	-- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25% - Kết thúc học phần thi vấn đáp: 50%
22.	Địa lý tự nhiên các lục địa	SV nắm được các đặc điểm chính về mặt tự nhiên của các châu. Tóm tắt được những đặc điểm chính về địa lí các khu vực của châu lục; So sánh và giải thích được những đặc điểm tự nhiên của các châu lục, cùng các kỹ năng đọc bản đồ bản đồ	3(3+0)	Học kỳ II	-Tham gia lớp học, thuyết trình 25% -Định kì: bài tập thực hành - 25% -Kết thúc học phần: Trắc nghiệm - 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23.	Địa lý kinh tế xã hội thế giới 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư – xã hội của châu Á, châu Âu. Sinh viên nắm vững đặc điểm nền kinh tế - xã hội các nước châu Âu, châu Á bao gồm: Một số đặc trưng về địa lí kinh tế - xã hội các, cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của các tổ chức khu vực và một số quốc gia tiêu biểu, với những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau, sự phát triển kinh tế qua các thời kỳ lịch sử, những ngành kinh tế nổi bật, những vùng kinh tế - xã hội thể hiện sự phân hóa lãnh thổ.	2(2+0)	Học kỳ III	-- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
24.	Địa lý kinh tế xã hội thế giới 2	Trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư – xã hội của châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương. Sinh viên nắm vững đặc điểm nền kinh tế - xã hội các nước châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương bao gồm: Một số đặc trưng về địa lí kinh tế - xã hội các, cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của các tổ chức khu vực và ở một số quốc gia tiêu biểu, với những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau, sự phát triển kinh tế qua các thời kỳ lịch sử, những ngành kinh tế nổi bật, những vùng kinh tế - xã hội thể hiện sự phân hóa lãnh thổ.	2(2+0)	Học kỳ IV	-- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
25.	Tài nguyên và môi trường	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Ngoài ra học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề tài nguyên, môi trường khu	2(2+0)	Học kỳ I	Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 30% -Kết thúc học phần thi tự

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vực đô thị và nông thôn Việt Nam. Đây là hệ thống kiến thức rất cần thiết đối với sinh viên trong học tập, nghiên cứu cũng như được làm việc trong các phòng ban ngành tài nguyên – môi trường, đặc biệt trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.			luận: 70%
26.	Thiết kế web	Học phần Thiết kế Web giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về Internet, cách tạo một Website đơn giản, cung cấp kiến thức nền tảng trong việc thiết kế website tĩnh với công nghệ HTML, CSS, JavaScript tạo tiền đề cho việc phát triển và lập trình Web động. Đồng thời môn học này cũng giới thiệu cho sinh viên hiểu được nguyên tắc thiết kế và quản lý một Website tĩnh với cấu trúc đơn giản với đầy đủ những công cụ cơ bản có sẵn hỗ trợ cho việc thiết kế Web, cung cấp các phương pháp thiết kế web cơ bản bằng Dreamweaver, biết cách quản lý và xuất bản website lên Internet.	3(1+2)	Học kỳ IV	<ul style="list-style-type: none"> - Tham dự lớp học đầy đủ, thuyết trình 25% - Bài tập thực hành, bài thi thực hành – 120 phút (thiết kế giao diện ứng dụng theo yêu cầu): 25% - Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm 60 phút.
27.	Nghiệp vụ công tác văn phòng	Học phần này giúp cho người học có hiểu biết đầy đủ về công tác văn phòng trong cơ quan, tổ chức, đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước, từ quản lý văn bản, thông tin, thời gian, đến tổ chức đi công tác, tổ chức hội nghị, lễ tân. Nội dung học phần được cấu thành 6 chương: một số vấn đề chung về quản trị văn phòng; quản trị văn phòng; một số nghiệp vụ cơ bản của văn phòng; tổ chức công tác lễ tân; soạn thảo và quản lý	3(1+2)	Học kỳ IV	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ thực hành trên máy tính 25% - Kết thúc học phần thực hành trên máy tính: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		văn bản; công tác lưu trữ.			
28.	Các vùng văn hóa Việt Nam	Học phần này cung cấp khung lý thuyết chung về văn hóa và vùng văn hóa; mối quan hệ giữa vùng địa lí, điều kiện tự nhiên với vùng văn hóa; Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về những đặc điểm của các vùng văn hóa Việt Nam. Đồng thời, học phần góp phần nâng cao thái độ nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc phân vùng văn hóa Việt Nam đối với nghiên cứu, thực hành du lịch cộng đồng và du lịch văn hóa.	3(3+0)	Học kỳ II	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25% - Kết thúc học phần thi trắc nghiệm: 50%
29.	Dân số học	Cung cấp những kiến thức cơ bản dân số về: Khái niệm, bản chất các thước đo, quy mô, cơ cấu, phân bố, tăng trưởng, mức sinh, mức chết... các quá trình và các nhân tố ảnh hưởng đến biến động dân số trong tái sản xuất đối với sự phát triển KTXH của bất kỳ quốc gia nào. Những quy luật cơ bản trong nghiên cứu, phân tích, những vấn đề lý thuyết dân số học đã xuất hiện trong lịch sử cũng như hiện nay.	2(2+0)	Học kỳ IV	<p>Đánh giá quá trình (cá nhân và nhóm)</p> <p>KT cuối kì: tự luận</p>
30.	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về địa lý kinh tế-xã hội như đối tượng nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Học phần còn đề cập tới những vấn đề quan trọng như môi trường và tài nguyên thiên nhiên đối với sản xuất xã hội. Đặc	3(3+0)	Học kỳ IV	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 50% - Kết thúc học phần thi tự

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biệt, học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về địa lý dân cư, địa lý các ngành kinh tế ở Việt Nam... tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới hiện nay và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.			luận: 50%
31.	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2	Học phần gồm các nội dung: cơ sở lí luận tổ chức lãnh thổ sản xuất của vùng, một số phương pháp thực hiện tổ chức lãnh thổ sản xuất. Khái niệm về vùng, hiểu bản chất những nội dung của khái niệm tổ chức lãnh thổ. Sự khác biệt về các vùng sản xuất ở nước ta về các mặt: nguồn lực phát triển, cơ cấu sản xuất, khả năng đáp ứng yêu cầu trong tương lai và xu hướng phát triển.	3(3+0)	Học kỳ IV	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25% - Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
32.	Địa lý du lịch	Giới thiệu những lý thuyết khoa học quan trọng về ngành du lịch và các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch. Giới thiệu những đặc điểm quan trọng của du lịch thế giới và Việt Nam về tài nguyên du lịch, tình hình phát triển và xu hướng phát triển ngành du lịch đồng thời tìm hiểu những đặc trưng của các vùng du lịch Việt Nam. Trên cơ sở lý thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng vào phân tích thực tiễn về đặc điểm và tình hình khai thác tài nguyên du lịch ở một số địa bàn thực địa cụ thể.	3(3+0)	Học kỳ IV	Làm việc nhóm, cá nhân trên lớp: 25%; kiểm tra giữa kỳ qua Báo cáo khảo sát thực tế: 25%; cuối kỳ làm bài Tiểu luận
33.	Ứng dụng GIS	Môn học tập trung giới thiệu cách thức thành lập bản	3(0+3)	Học kỳ IV	-Bài tập thực hành 25%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trong Địa lý học	đồ chuyên đề, quy trình thành lập một số bản đồ thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, du lịch, xây dựng dữ liệu thông tin thuộc tính, các dạng biểu đồ hỗ trợ cho bản đồ chuyên đề. Môn học chú trọng khuyến khích các nhóm sinh viên xây dựng và thực hiện các đề án thành lập bản đồ phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu.			làm việc nhóm, tự học 25% -Thi thực hành trên máy tính: 50%
34.	Thực địa	Vận dụng những hiểu biết đã học vào tìm hiểu, phân tích, giải thích những đặc điểm tự nhiên – kinh tế xã hội trên một khu vực lãnh thổ nhất định. Thực hiện các thao tác đo đạc, quan trắc, điều tra, khảo sát...các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn. Nhận biết vai trò con người và mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và tự nhiên trên lãnh thổ thực địa.	4(0+4)	Học kỳ IV	Báo cáo tổng hợp tuyển thực địa
35.	Địa lý Biển Đông	Học phần khái quát chung về vị trí, giới hạn, diện tích của biển Đông và vùng biển Việt Nam cùng vai trò và ý nghĩa của biển Đông đối với chiến lược phát triển kinh tế xã hội khu vực Đông Nam Á. Tìm hiểu các đặc điểm địa lý tự nhiên biển Đông; đánh giá và khai thác, bảo vệ tài nguyên biển Đông, vấn đề tranh chấp chủ quyền và xu thế giải quyết của các nước trên biển Đông và tìm hiểu thực tế đặc điểm tự nhiên – kinh tế xã hội một số vùng biển Việt Nam.	3(2+1)	Học kỳ V	Làm việc nhóm, cá nhân trên lớp: 25% Báo cáo thực địa theo chủ đề: 25% Kiểm tra tự luận cuối kỳ: 50%
36.	Quy hoạch lãnh thổ du lịch	Môn học cung cấp những cơ sở lý luận về quy hoạch lãnh thổ du lịch, nghiên cứu tiềm năng, thực trạng quy	3(2+1)	Học kỳ V	- Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạch lãnh thổ du lịch. Trên cơ sở những lý luận, tiềm năng và thực trạng quy hoạch lãnh thổ du lịch, học phần nghiên cứu quy hoạch lãnh thổ du lịch ở các vùng: biển, núi, nông thôn và ven đô. Ngoài ra, môn học còn chú trọng rèn luyện về kỹ năng xây dựng bản đồ quy hoạch lãnh thổ du lịch phục vụ cho học tập và nghiên cứu.			nhóm. Tham dự lớp học 25%; kiểm tra giữa kỳ tự luận 25%; Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
37.	Di tích và danh thắng	Học phần giới thiệu lý luận di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, hệ thống các di tích lịch sử, danh thắng Việt Nam và khai thác các giá trị đó đối với hoạt động du lịch. Cung cấp kiến thức về hệ thống bảo tàng Việt Nam, mối quan hệ giữa bảo tàng và du lịch và một số bảo tàng tiêu biểu ở Việt Nam. Đồng thời học phần thực hiện tham quan thực tế và cho người học tiến hành một số hoạt động tổ chức và hướng dẫn du lịch tại các địa điểm.	3(2+1)	Học kỳ V	Làm việc nhóm trên lớp, tham gia lớp học đầy đủ: 25% Báo cáo khảo sát địa điểm thực tế: 25% Bài kiểm tra tự luận cuối kỳ: 50%
38.	Giáo dục môi trường cộng đồng	Nội dung giới thiệu những vấn đề cơ bản về môi trường và ô nhiễm môi trường; bảo vệ môi trường cho phát triển bền vững; nội dung và các phương thức giáo dục môi trường cộng đồng cho phát triển bền vững. Ngoài ra học phần gồm 6 buổi thực hành: tìm hiểu những vấn đề môi trường và ô nhiễm môi trường tại địa phương. Những trải nghiệm thực tế tại địa phương giúp các em nhận thức đúng về những giá trị của môi trường và có những hành động cụ thể góp	3(2+1)	Học kỳ V	Tham gia lớp học, đánh giá quá trình: thuyết trình nhóm 25%, kiểm tra giữa kỳ từ kết quả bài thu hoạch thực tế: 25%; Bài tiểu luận cuối kỳ: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phần xây dựng quê hương đất nước giàu đẹp, văn minh.			
39.	Xây dựng và phân tích biểu đồ địa lý	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng xây dựng và phân tích các loại biểu đồ trên phần mềm Excel. Thông qua học phần sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học để giải thích các vấn đề liên quan một cách hiệu quả nhất. Môn học còn phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên khi tham gia vào các đề tài, khóa luận tốt nghiệp sau này	3(1+2)	Học kỳ IV	Đánh giá quá trình: bài thực hành mỗi buổi 25% và bài kiểm tra cá nhân giữa kỳ: 25% Bài thi thực hành trên máy tính: 50%
40.	Điều tra và phân tích dữ liệu KTXH	Trang bị cho sinh viên kỹ năng điều tra xã hội học thực tế và phân tích dữ liệu thu thập được trên phần mềm SPSSExcel. Thông qua đó sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học để giải thích và rút ra được các vấn đề KTXH liên quan. Học phần còn phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên khi tham gia vào các đề tài, khóa luận tốt nghiệp.	3(1+2)	Học kỳ IV	Bài báo cáo kết quả điều tra và phân tích dữ liệu từ kết quả điều tra (theo nhóm)
41.	Thiết kế và điều hành tour	Học phần trang bị cho người học kiến thức về việc xây dựng tour du lịch, các phương pháp định giá tour cũng như các biện pháp tổ chức xúc tiến và bán tour du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trang bị kiến thức về điều hành và quản lý các chương trình du lịch. Kết thúc môn học, sinh viên có kỹ năng xây dựng và thực hiện các chương trình du lịch trọn gói, biết xây dựng và thực hiện các hoạt động xúc tiến hỗn hợp	3(0+3)	Học kỳ VI	- Đánh giá quá trình: báo cáo cá nhân: Tìm hiểu thực tế cách thức định giá tour của các công ty du lịch ở Việt Nam có xác nhận của công ty du lịch. Đánh giá cuối kỳ: Báo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong kinh doanh lễ hành, hiệu và thực hiện tổ chức quản lý và điều hành chương trình du lịch.			cáo cá nhân, bao gồm 3 phần theo hướng dẫn: + Phần 1: Chương trình du lịch đã thiết kế + Phần 2: Bảng tính giá tour + Phần 3: Xây dựng bài thuyết minh trên tuyên
42.	Marketing du lịch	Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản tổng quan về marketing và marketing du lịch. Trang bị cho SV những kinh nghiệm thực tế về marketing du lịch và hoạt động kinh doanh dịch vụ lễ hành tại các doanh nghiệp du lịch. Từ đó đưa ra các phương pháp nghiên cứu nhu cầu của khách hàng, phân tích hành vi tiêu dùng của khách du lịch và các phương thức cung ứng sản phẩm trên cơ sở phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.	3(0+3)	Học kỳ VI	1.Đánh giá quá trình (cá nhân và nhóm) 2.KT cuối kì: bài tập theo nhóm
43.	Địa lý đô thị	Cung cấp các kiến thức về những lý luận chung về đô thị gồm khái niệm đô thị, phân loại, lịch sử, chức năng và vai trò đô thị; những đặc trưng của đô thị hóa bao gồm khái niệm đô thị hóa, biểu hiện cơ bản của đô thị hóa, đặc điểm đô thị hóa của các nhóm nước và khu vực trên thế giới, ảnh hưởng đô thị hóa; những vấn đề của đô thị đang gặp phải hiện nay; những đặc	3(2+1)	Học kỳ III	1.Đánh giá quá trình (cá nhân và nhóm) 2. KT cuối kì: tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điểm khái quát của đô thị Việt Nam, dự báo xu hướng phát triển địa lý đô thị.			
44.	Địa lý nhân văn	Học phần giới thiệu những lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu địa lý nhân văn như quan điểm, vai trò, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu địa lý nhân văn. Trên cơ sở đó, đi sâu vào tìm hiểu những vấn đề địa lý nhân văn cụ thể về gồm chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo; Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp và các dạng quần cư nông thôn; Tổ chức lãnh thổ công nghiệp và các dạng quần cư thành phố; Du lịch và tổ chức lãnh thổ du lịch. Sinh viên sẽ vận dụng lý thuyết khảo sát các đặc điểm địa lý nhân văn trên khu vực địa phương cụ thể	3(2+1)	Học kỳ IV	Làm việc nhóm, cá nhân trên lớp: 25% Báo cáo khảo sát ở địa phương: 25%; bài tiểu luận cuối kỳ 50%
45.	Du lịch văn hóa	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch văn hóa như các khái niệm, đặc trưng, sản phẩm của du lịch văn hóa. Giới thiệu đến sinh viên những loại hình du lịch văn hóa đang phát triển trên thế giới cùng các xu hướng du lịch văn hóa. Khái quát vai trò và tầm quan trọng của du lịch văn hóa Việt cùng tiềm năng du lịch văn hóa và cho người học tìm hiểu giá trị một số địa điểm du lịch văn hóa nổi tiếng. Cung cấp kiến thức về cách nhận diện và khai thác giá trị văn hóa phục vụ du lịch. Trên cơ sở đó học phần đi sâu vào hướng dẫn và cho người học thực hành một số kỹ năng và nghiệp vụ du lịch văn hóa cụ	3(1+2)	Học kỳ VI	Làm việc trên lớp theo nhóm, cá nhân: 25% Kết quả thực hành ở thực tế: 25% Kiểm tra KTHP: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thể.			
46.	Du lịch sinh thái	Môn học cung cấp những cơ sở lý luận về du lịch sinh thái, tổng quan về du lịch sinh thái Việt Nam và tìm hiểu một số loại hình du lịch sinh thái tiêu biểu ở nước ta. Ngoài ra học phần chú trọng bồi dưỡng kỹ năng quan sát, phân tích, tư duy biện luận cho người học, đồng thời giúp sinh viên có thái độ yêu quý, bảo vệ các dạng tài nguyên cảnh quan ở nước ta.	3(1+2)	Học kỳ VI	Thuyết trình, làm việc nhóm, tham gia lớp học: 25%; kiểm tra giữa kỳ 25% Tiểu luận: 50%
47.	Thực tập nghề nghiệp	Thực tập nghề nghiệp là học phần sinh viên được thực hành thực tế tại các cơ quan doanh nghiệp, các tổ chức Nhà nước và tư nhân trong các lĩnh vực kinh tế và xã hội, du lịch để làm quen và vận dụng những tri thức đã học được, đồng thời được cọ sát để học hỏi thêm những kiến thức thực tế của địa lý học.	15(0+15)	Học kỳ V	Bài báo cáo và kết quả đánh giá nơi sinh viên thực tập
48.	Khóa luận TN/Báo cáo tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nâng cao kiến thức, kỹ năng được trang bị trong quá trình học và phát huy tốt sở trường của mình trong chính công trình nghiên cứu đã chọn. - Giúp sinh viên có thể hệ thống hóa các kiến thức và kỹ năng của bản thân, vận dụng sáng tạo để thực hiện đề tài khoa học một cách tốt nhất, có sự sáng tạo và tính khoa học. - Giúp sinh viên rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, đưa ra các vấn đề của xã hội một cách kịp thời và tìm 	5(0+5)	Học kỳ VII	Hội đồng chấm Khóa luận/ Báo cáo tốt nghiệp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ra hướng giải quyết vấn đề độc lập. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên tính độc lập, tự chủ trong quá trình nghiên cứu khoa học.			

12.4. Chương trình cử nhân Địa lý học, liên thông chính quy khóa 2018 - 2020

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	PPNC Địa lý học	Học phần khái quát chung về nghiên cứu khoa học, các quan điểm và phương pháp nghiên cứu khoa học địa lý đặc trưng. Học phần chú trọng hướng dẫn người học thực hành nghiên cứu khoa học và đánh giá các công trình nghiên cứu.	2(2+0)	Học kỳ I	Đánh giá quá trình học bao gồm: 50% kiểm tra giữa kỳ hình thức vấn đáp và kiểm tra KTHP 50% hình thức tự luận.
2.	Địa lý tự nhiên đại cương	Học phần đề cập những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lý tự nhiên, một số thuyết về nguồn gốc Vũ Trụ, Hệ Mặt Trời. Các chuyển động chính của Trái Đất và những hệ quả địa lý của nó. Khái niệm liên quan đến thạch quyển, các dạng địa hình bề mặt Trái Đất.	3(3+0)	Học kỳ I	Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm: 25%; kiểm tra giữa kỳ 25%; Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
3.	Bản đồ học đại cương	Môn học cung cấp những khái niệm cơ bản về bản đồ học, vai trò của bản đồ trong nghiên cứu, sản xuất và đời sống, một số bản đồ giáo khoa thường dùng, cơ	3(3+0)	Học kỳ I	Đánh giá thường xuyên: thuyết trình, làm việc nhóm, tham gia đầy đủ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sở toán học của bản đồ, hệ thống ký hiệu đặc thù – ngôn ngữ bản đồ, các phương pháp biểu hiện bản đồ, quá trình tổng quát hóa bản đồ. Ngoài ra, môn học còn chú trọng rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ cho người học.			các buổi học: 25%, kiểm tra giữa kỳ hình thức vấn đáp, tự luận 25%; Kết thúc học phần thi tự luận: 50%
4.	Địa lý kinh tế xã hội đại cương	Học phần giới thiệu đối tượng, nhiệm vụ phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý KT-XH. Những khái niệm cơ bản, các quan điểm quy luật địa lý về môi trường, tài nguyên, về phát triển bền vững. Những vấn đề cơ bản của địa lý dân cư và một số khía cạnh của địa lý xã hội. Bên cạnh đó học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề kinh tế xã hội trên thế giới đang được quan tâm hiện nay như toàn cầu hóa, biến đổi môi trường, kinh tế tri thức...và một số xu hướng phát triển tương lai.	3(3+0)	Học kỳ I	Tham dự lớp, thuyết trình: 25% Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ: 25% Thi kiểm tra cuối kỳ hình thức tự luận: 50%
5.	Các quy luật chung của trái đất	Môn học nêu lên những quy luật địa lí chung của Trái Đất, lí giải nguyên nhân của những quy luật, đồng thời nêu lên những biểu hiện của tính quy luật trong lớp vỏ địa lí. Từ đó, sinh viên có những ứng xử phù hợp với lớp vỏ địa lí để mang lại những hệ quả tốt đẹp cho đời sống con người.	2(2+0)	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình học (25%) bao gồm: tham dự lớp học, tham gia giải quyết các câu hỏi và bài tập trên lớp; chuẩn bị bài tập ở nhà theo yêu cầu; - Làm bài kiểm tra giữa kỳ (25%) - Đánh giá cuối học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					phần (50%): Bài thi thi tự luận.
6.	Địa lý tự nhiên các lục địa	SV nắm được các đặc điểm chính về mặt tự nhiên của các châu. Tóm tắt được những đặc điểm chính về địa lí các khu vực của châu lục; So sánh và giải thích được những đặc điểm tự nhiên của các châu lục, cùng các kỹ năng đọc bản đồ bản đồ	2(2+0)	Học kỳ I	<ul style="list-style-type: none"> - Định kì: bài tập thực hành - 30% - Kết thúc học phần: Trắc nghiệm - 70%
7.	Địa lý kinh tế xã hội thế giới	Trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư – xã hội của châu Á, châu Âu. Sinh viên nắm vững đặc điểm nền kinh tế - xã hội các nước châu Âu, châu Á bao gồm: Một số đặc trưng về địa lí kinh tế - xã hội các, cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của các tổ chức khu vực và một số quốc gia tiêu biểu, với những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau, sự phát triển kinh tế qua các thời kỳ lịch sử, những ngành kinh tế nổi bật, những vùng kinh tế - xã hội thể hiện sự phân hóa lãnh thổ.	2(2+0)	Học kỳ I	<p>Tham dự lớp, làm việc nhóm trên lớp: 25%</p> <p>Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ hình thức tự luận: 25%</p> <p>Thi kiểm tra cuối kỳ hình thức tự luận: 50%</p>
8.	Địa lý tự nhiên Việt Nam	Học phần trang bị những nét khái quát về cơ sở lý luận về phân vùng địa lý tự nhiên của lãnh thổ Việt Nam, những đặc điểm tự nhiên của các miền địa lý, sự phân hóa của từng miền. Qua đó, giúp sinh viên đánh giá được những thuận lợi và khó khăn về mặt tự nhiên của từng miền, từng khu để đưa ra những định hướng phát triển kinh tế hợp lý.	2(2+0)	Học kỳ II	<p>Tham dự lớp đầy đủ, thuyết trình nhóm: 25%</p> <p>Đánh giá giữa kỳ hình thức tự luận: 25%; kiểm tra cuối kỳ hình thức tự luận 50%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Nghiệp vụ công tác văn phòng	Học phần này giúp cho người học có hiểu biết đầy đủ về công tác văn phòng trong cơ quan, tổ chức, đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước, từ quản lý văn bản, thông tin, thời gian, đến tổ chức đi công tác, tổ chức hội nghị, lễ tân. Nội dung học phần được cấu thành 6 chương: một số vấn đề chung về quản trị văn phòng; quản trị văn phòng; một số nghiệp vụ cơ bản của văn phòng; tổ chức công tác lễ tân; soạn thảo và quản lý văn bản; công tác lưu trữ.	3(1+2)	Học kỳ II	Tham dự lớp, làm việc nhóm trên lớp: 25% Bài kiểm tra giữa kỳ thực hành trên máy tính: 25% Thi kiểm tra cuối kỳ thực hành trên máy tính: 50%
10.	Địa lý đô thị	Cung cấp các kiến thức về những lý luận chung về đô thị gồm khái niệm đô thị, phân loại, lịch sử, chức năng và vai trò đô thị; những đặc trưng của đô thị hóa bao gồm khái niệm đô thị hóa, biểu hiện cơ bản của đô thị hóa, đặc điểm đô thị hóa của các nhóm nước và khu vực trên thế giới, ảnh hưởng đô thị hóa; những vấn đề của đô thị đang gặp phải hiện nay; những đặc điểm khái quát của đô thị Việt Nam, dự báo xu hướng phát triển địa lý đô thị.	2(2+0)	Học kỳ II	1.Đánh giá quá trình (cá nhân và nhóm) 2. KT cuối kì: tiểu luận
11.	Dân số học	Cung cấp những kiến thức cơ bản dân số về: Khái niệm, bản chất các thước đo, quy mô, cơ cấu, phân bố, tăng trưởng, mức sinh, mức chết... các quá trình và các nhân tố ảnh hưởng đến biến động dân số trong tái sản xuất đối với sự phát triển KTXH của bất kỳ quốc gia nào. Những quy luật cơ bản trong nghiên	2(2+0)	Học kỳ II	Đánh giá học phần qua: Thái độ học tập, tham dự lớp và làm bài đầy đủ 25%; kiểm tra giữa kỳ 25% tự luận, trắc nghiệm; kiểm tra cuối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cứu, phân tích, những vấn đề lý thuyết dân số học đã xuất hiện trong lịch sử cũng như hiện nay.			kỳ hình thức tự luận 50%
12.	Địa lý nhân văn	Học phần giới thiệu những lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu địa lý nhân văn như quan điểm, vai trò, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu địa lý nhân văn. Trên cơ sở đó, đi sâu vào tìm hiểu những vấn đề địa lý nhân văn cụ thể về gồm chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo; Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp và các dạng quần cư nông thôn; Tổ chức lãnh thổ công nghiệp và các dạng quần cư thành phố; Du lịch và tổ chức lãnh thổ du lịch. Sinh viên sẽ vận dụng lý thuyết khảo sát các đặc điểm địa lý nhân văn trên khu vực địa phương cụ thể	2(2+0)	Học kỳ II	Tham dự lớp đầy đủ, thuyết trình nhóm: 25% Đánh giá giữa kỳ qua bài Báo cáo khảo sát thực tế: 25%; kiểm tra cuối kỳ hình thức tự luận 50%
13.	Giáo dục môi trường cộng đồng	Học phần trang bị những vấn đề cơ bản về môi trường và ô nhiễm môi trường; bảo vệ môi trường cho phát triển bền vững; nội dung và các phương thức giáo dục môi trường cộng đồng cho phát triển bền vững. Bên cạnh đó những buổi thực tế để tìm hiểu những vấn đề môi trường và ô nhiễm môi trường tại địa phương. Những trải nghiệm đó giúp các em nhận thức đúng về những giá trị của môi trường và có những hành động cụ thể góp phần xây dựng quê hương đất nước giàu đẹp, văn minh.	2(0+2)	Học kỳ II	Đánh giá quá trình: thuyết trình, tự học và tham dự lớp đầy đủ 25%, bài thu hoạch thực tế giữa kỳ: 25%; Bài tiểu luận cuối kỳ: 50%
14.	Địa lý Biển Đông	Học phần khái quát chung về vị trí, giới hạn, diện tích	2(2+0)	Học kỳ II	Đánh giá quá trình:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của biển Đông và vùng biển Việt Nam cùng vai trò và ý nghĩa của biển Đông đối với chiến lược phát triển kinh tế xã hội khu vực Đông Nam Á. Tìm hiểu các đặc điểm địa lý tự nhiên biển Đông; đánh giá và khai thác, bảo vệ tài nguyên biển Đông, vấn đề tranh chấp chủ quyền và xu thế giải quyết của các nước trên biển Đông và tìm hiểu thực tế đặc điểm tự nhiên – kinh tế xã hội một số vùng biển Việt Nam.			thuyết trình, tự học và tham dự lớp đầy đủ 25%, bài kiểm tra tự luận giữa kỳ: 25%; Bài thi cuối kỳ hình thức tự luận: 50%
15.	Địa lý du lịch	Giới thiệu những lý thuyết khoa học quan trọng về ngành du lịch và các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch. Giới thiệu những đặc điểm quan trọng của du lịch thế giới và Việt Nam về tài nguyên du lịch, tình hình phát triển và xu hướng phát triển ngành du lịch đồng thời tìm hiểu những đặc trưng của các vùng du lịch Việt Nam. Trên cơ sở lý thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng vào phân tích thực tiễn về đặc điểm và tình hình khai thác tài nguyên du lịch ở một số địa bàn thực địa cụ thể.	3(3+0)	Học kỳ II	Tham dự lớp đầy đủ, thuyết trình nhóm: 25% Đánh giá giữa kỳ qua bài Báo cáo khảo sát thực tế: 25%; kiểm tra cuối kỳ hình thức tiểu luận 50%
16.	Xây dựng và phân tích biểu đồ địa lý	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng xây dựng và phân tích các loại biểu đồ trên phần mềm Excel. Thông qua học phần sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học để giải thích các vấn đề liên quan một cách hiệu quả nhất. Môn học còn phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên khi tham gia vào các đề tài, khóa luận tốt nghiệp sau này	2(0+2)	Học kỳ II	Tham dự lớp đầy đủ, thuyết trình nhóm: 25% Đánh giá giữa kỳ thực hành trên máy tính 25%; kiểm tra cuối kỳ thực hành trên máy tính 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17.	Điều tra và phân tích dữ liệu KTXH	Trang bị cho sinh viên kỹ năng điều tra xã hội học thực tế và phân tích dữ liệu thu thập được trên phần mềm SPSSExcel. Thông qua đó sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học để giải thích và rút ra được các vấn đề KTXH liên quan. Học phần còn phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên khi tham gia vào các đề tài, khóa luận tốt nghiệp.	2(0+2)	Học kỳ II	Đánh giá học phần qua: Thái độ học tập, tham dự lớp và làm bài đầy đủ 25%; kiểm tra giữa kỳ 25% tự luận, trắc nghiệm; kiểm tra cuối kỳ hình thức tự luận 50%
18.	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về địa lý kinh tế-xã hội như đối tượng nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Học phần còn đề cập tới những vấn đề quan trọng như môi trường và tài nguyên thiên nhiên đối với sản xuất xã hội. Đặc biệt, học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về địa lý dân cư, địa lý các ngành kinh tế ở Việt Nam... tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới hiện nay và vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.	2(2+0)	Học kỳ II	Tham dự lớp đầy đủ, thuyết trình nhóm: 25% Đánh giá giữa kỳ qua bài Báo cáo khảo sát thực tế: 25%; kiểm tra cuối kỳ hình thức tự luận 50%
19.	Tuyến điểm du lịch	Cung cấp những kiến thức lý luận về tuyến, điểm du lịch và các cấp phân vị trong phân vùng du lịch Việt Nam. Nội dung, phương pháp xây dựng các tuyến điểm du lịch và những vấn đề liên quan đến tuyến, điểm du lịch Việt Nam.	3(3+0)	Học kỳ hè	Tham dự lớp, làm việc nhóm trên lớp: 25% Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ hình thức tự luận: 25% Thi kiểm tra cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Thông qua các hoạt động học tập trên lớp, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm, thu thập và xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và thuyết trình vấn đề, đặc biệt rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản về xây dựng tuyến, điểm du lịch và kỹ năng thuyết minh tuyến, điểm.</p>			<p>hình thức Tiểu luận: 50%</p>
20.	Du lịch văn hóa	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch văn hóa như các khái niệm, đặc trưng, sản phẩm của du lịch văn hóa. Giới thiệu đến sinh viên những loại hình du lịch văn hóa đang phát triển trên thế giới cùng các xu hướng du lịch văn hóa. Khái quát vai trò và tầm quan trọng của du lịch văn hóa Việt cùng tiềm năng du lịch văn hóa và cho người học tìm hiểu giá trị một số địa điểm du lịch văn hóa nổi tiếng. Cung cấp kiến thức về cách nhận diện và khai thác giá trị văn hóa phục vụ du lịch. Trên cơ sở đó học phần đi sâu vào hướng dẫn và cho người học thực hành một số kỹ năng và nghiệp vụ du lịch văn hóa cụ thể.</p>	2(2+0)	Học kỳ hè	<p>Tham dự lớp, làm việc nhóm trên lớp: 25%</p> <p>Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ hình thức tự luận: 25%</p> <p>Thi kiểm tra cuối kỳ hình thức Tiểu luận: 50%</p>
21.	Du lịch văn hóa cộng đồng	<p>Cung cấp kiến thức về cách nhận diện và khai thác giá trị văn hóa phục vụ du lịch. Trên cơ sở đó học phần đi sâu vào hướng dẫn và cho người học thực hành một số kỹ năng và nghiệp vụ du lịch văn hóa cụ</p>	2(0+2)	Học kỳ hè	<p>Tham dự lớp, làm việc nhóm trên lớp: 25%</p> <p>Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ hình thức tự</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thể.			luận: 25% Thi kiểm tra cuối kỳ hình thức Tiểu luận: 50%
22.	Bản đồ chuyên đề	Xây dựng được một số phép chiếu, giải thích được danh pháp và phân mảnh bản đồ. - Phân tích được các phương pháp biểu hiện bản đồ. Chọn lựa các yếu tố nội dung trong một bản đồ cụ thể.	2(2+0)	Học kỳ hè	Tham dự lớp đầy đủ, thuyết trình nhóm: 25% Đánh giá giữa kỳ qua phần kiểm tra vấn đáp: 25%; kiểm tra cuối kỳ hình thức tự luận 50%
23.	Du lịch sinh thái	Tóm tắt được những khái niệm, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu du lịch sinh thái. Giải thích được nguyên nhân ô nhiễm môi trường trong hoạt động du lịch. - Liệt kê, liên hệ các loại hình du lịch sinh thái ở Việt Nam. Lập kế hoạch khảo sát và viết báo cáo tổng hợp.	2(2+0)	Học kỳ hè	Tham dự lớp đầy đủ, thuyết trình nhóm: 25% Đánh giá giữa kỳ qua bài kiểm tra tự luận: 25%; kiểm tra cuối kỳ hình thức tiểu luận 50%
24.	Quy hoạch lãnh thổ du lịch	Môn học cung cấp những cơ sở lý luận về quy hoạch lãnh thổ du lịch, nghiên cứu tiềm năng, thực trạng quy hoạch lãnh thổ du lịch. Trên cơ sở những lý luận, tiềm năng và thực trạng quy hoạch lãnh thổ du lịch, học phần nghiên cứu quy hoạch lãnh thổ du lịch ở các	2(2+0)	Học kỳ hè	Tham dự lớp đầy đủ, làm bài tập nhóm: 25% Đánh giá giữa kỳ qua bài kiểm tra tự luận: 25%; kiểm tra cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vùng: biển, núi, nông thôn và ven đô. Ngoài ra, môn học còn chú trọng rèn luyện về kỹ năng xây dựng bản đồ quy hoạch lãnh thổ du lịch phục vụ cho học tập và nghiên cứu.			hình thức tiểu luận 50%
25.	Di tích và danh thắng trong phát triển du lịch	Học phân giới thiệu lý luận di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, hệ thống các di tích lịch sử, danh thắng Việt Nam và khai thác các giá trị đó đối với hoạt động du lịch. Cung cấp kiến thức về hệ thống bảo tàng Việt Nam, mối quan hệ giữa bảo tàng và du lịch và một số bảo tàng tiêu biểu ở Việt Nam. Đồng thời học phân thực hiện tham quan thực tế và cho người học tiến hành một số hoạt động tổ chức và hướng dẫn du lịch tại các địa điểm.	2(0+2)	Học kỳ III	Tham dự lớp, làm việc nhóm trên lớp: 25% Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ: 25% Báo cáo khảo sát địa điểm thực tế: 50%
26.	Ứng dụng GIS trong Địa lý học	Môn học tập trung giới thiệu cách thức thành lập bản đồ chuyên đề, quy trình thành lập một số bản đồ thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, du lịch, xây dựng dữ liệu thông tin thuộc tính, các dạng biểu đồ hỗ trợ cho bản đồ chuyên đề. Môn học chú trọng khuyến khích các nhóm sinh viên xây dựng và thực hiện các đề án thành lập bản đồ phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu.	2(0+2)	Học kỳ III	Đánh giá quá trình: thuyết trình, tự học và tham dự lớp đầy đủ 25%, thực hành trên máy tính giữa kỳ: 25%; Thi thực hành trên máy tính: 50%
27.	Kinh tế ngoại thương – xuất	Giới thiệu các kiến thức về liên quan đến những vấn đề có tính chất kinh tế trong	2(2+0)	Học kỳ III	Đánh giá học phần qua: Thái độ học tập, tham

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nhập khẩu Việt Nam	<p>hoạt động ngoại thương và hệ thống chính sách nhằm khuyến khích, đẩy mạnh hoạt động</p> <p>thương mại quốc tế, đồng thời có tác dụng quản lý hoạt động xuất nhập khẩu thực hiện</p> <p>mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong nước, phù hợp với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.</p>			<p>dự lớp và làm bài đầy đủ 25%; kiểm tra giữa kỳ 25% tự luận, trắc nghiệm; kiểm tra cuối kỳ hình thức tự luận 50%</p>
28.	Marketing trong hoạt động du lịch	<p>Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản tổng quan về marketing và marketing du lịch. Trang bị cho SV những kinh nghiệm thực tế về marketing du lịch và hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành tại các doanh nghiệp du lịch. Từ đó đưa ra các phương pháp nghiên cứu nhu cầu của khách hàng, phân tích hành vi tiêu dùng của khách du lịch và các phương thức cung ứng sản phẩm trên cơ sở phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	2(2+0)	Học kỳ III	<p>Đánh giá học phần qua: Thái độ học tập, tham dự lớp và làm bài đầy đủ 25%; kiểm tra giữa kỳ 25% tự luận, trắc nghiệm; kiểm tra cuối kỳ hình thức tự luận 50%</p>
29.	Thực tế chuyên môn	<p>Vận dụng những hiểu biết đã học vào tìm hiểu, phân tích, giải thích những đặc điểm tự nhiên – kinh tế xã hội trên một khu vực lãnh thổ nhất định. Thực hiện các thao tác đo đạc, quan trắc, điều tra, khảo sát... các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn. Nhận biết vai trò con người và mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và tự nhiên trên lãnh thổ thực địa.</p>	4(0+4)	Học kỳ III	<p>Báo cáo tổng hợp tuyến thực địa</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30.	Thiết kế và điều hành tour	<p>Học phần trang bị cho người học kiến thức về việc xây dựng tour du lịch, các phương pháp định giá tour cũng như các biện pháp tổ chức xúc tiến và bán tour du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trang bị kiến thức về điều hành và quản lý các chương trình du lịch.</p> <p>Kết thúc môn học, sinh viên có kỹ năng xây dựng và thực hiện các chương trình du lịch trọn gói, biết xây dựng và thực hiện các hoạt động xúc tiến hỗn hợp trong kinh doanh lữ hành, hiểu và thực hiện tổ chức quản lý và điều hành chương trình du lịch.</p>	3(0+3)	Học kỳ IV	Đánh giá học phần qua: Thái độ học tập, tham dự lớp và làm bài đầy đủ 25%; kiểm tra giữa kỳ 25% báo cáo thực tế 50%
31.	Thực tập nghề nghiệp	<p>Thực tập 2 là học phần sinh viên được thực hành thực tế tại các cơ quan doanh nghiệp, các tổ chức Nhà nước và tư nhân trong các lĩnh vực du lịch. Tại đó sinh viên được vận dụng những tri thức đã học được, đồng thời được cọ sát để học hỏi thêm những kiến thức thực tế chuyên ngành nghề nghiệp của mình.</p>	4(0+4)	Học kỳ IV	Bài báo cáo và kết quả đánh giá nơi sinh viên thực tập
32.	Khóa luận TN/Báo cáo tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nâng cao kiến thức, kỹ năng được trang bị trong quá trình học và phát huy tốt sở trường của mình trong chính công trình nghiên cứu đã chọn. - Giúp sinh viên có thể hệ thống hóa các kiến thức và kỹ năng của bản thân, vận dụng sáng tạo để thực hiện đề tài khoa học một cách tốt nhất, có sự sáng tạo và 	5(0+5)	Học kỳ IV	Hội đồng chấm Khóa luận/ Báo cáo tốt nghiệp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tính khoa học. - Giúp sinh viên rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, đưa ra các vấn đề của xã hội một cách kịp thời và tìm ra hướng giải quyết vấn đề độc lập. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên tính độc lập, tự chủ trong quá trình nghiên cứu khoa học.			

Bình Dương, ngày tháng 6 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

PGS-TS. Lê Tuấn Anh